




# Màn hình Alienware AW3418DW/AW3418HW Hướng Dẫn Người Sử Dụng

Dòng máy: AW3418DW/AW3418HW  
Dòng máy theo quy định: AW3418DWb/AW3418HWb

A L I E N W A R E™ 

# Chú ý, thận trọng và cảnh báo

-  **CHÚ Ý:** Thông tin **CHÚ Ý** cho biết thông tin quan trọng giúp bạn tận dụng tốt hơn máy tính của bạn.
-  **THẬN TRỌNG:** Thông tin **THẬN TRỌNG** chỉ báo khả năng hư hại đến phần cứng hoặc mất dữ liệu nếu không làm theo các hướng dẫn.
-  **CẢNH BÁO:** Thông tin **CẢNH BÁO** chỉ báo tiềm ẩn bị hư hỏng tài sản, bị thương hoặc tử vong.

**Bản quyền © 2017-2018 Dell Inc. Đã đăng ký bản quyền.** Sản phẩm này được bảo vệ bởi luật bản quyền và sở hữu trí tuệ Hoa Kỳ và quốc tế. Dell™ và logo Dell là thương hiệu của Dell Inc. tại Hoa Kỳ và/hoặc các nước khác. Tất cả các dấu hiệu và các tên khác được đề cập ở đây có thể là thương hiệu đã đăng ký của các công ty tương ứng.

# Nội dung

<b>Thông Tin Về Màn Hình Của Bạn</b> . . . . .	<b>6</b>
Thành Phần Trong Hộp . . . . .	6
Tính Năng Sản Phẩm . . . . .	8
Nhận Biết Các Bộ Phận Và Điều Khiển . . . . .	9
Nhìn từ trước . . . . .	9
Nhìn từ sau . . . . .	10
Nhìn từ phía sau từ phía dưới . . . . .	11
<b>Thông Số Màn Hình</b> . . . . .	<b>13</b>
Thông Số Màn Hình Phẳng . . . . .	13
Thông Số Độ Phân Giải . . . . .	14
Chế độ video được hỗ trợ . . . . .	14
Chế độ hiển thị cài sẵn . . . . .	15
Thông Số Điện . . . . .	17
Đặc Điểm Vật Lý . . . . .	17
Đặc Tính Môi Trường . . . . .	18
Chế Độ Quản Lý Điện . . . . .	19
Chỉ Định Chân . . . . .	20
<b>Khả Năng Cắm và Chạy</b> . . . . .	<b>22</b>
<b>Giao Diện Cổng Kết Nối Đa Dạng (USB)</b> . . . . .	<b>22</b>
Đầu Nối Lên USB . . . . .	22
Đầu Nối Xuống USB . . . . .	23
Cổng USB . . . . .	23
<b>Chính Sách Điểm Ảnh Và Chất Lượng Màn Hình LCD</b> . . . . .	<b>24</b>
<b>Hướng Dẫn Bảo Trì</b> . . . . .	<b>24</b>
Vệ Sinh Màn Hình . . . . .	24
<b>Lắp đặt màn hình</b> . . . . .	<b>25</b>
Lắp chân đế . . . . .	25

Kết nối máy tính . . . . .	29
Tháo chân đế màn hình . . . . .	30
VESA treo tường (tùy chọn) . . . . .	32
<b>Sử dụng màn hình . . . . .</b>	<b>33</b>
Bật nguồn màn hình . . . . .	33
Sử dụng điều khiển trên bảng điều khiển trước . . . . .	33
Nút bảng điều khiển phía trước . . . . .	34
Sử Dụng Menu Hiển Thị Trên Màn Hình (OSD) . . . . .	35
Truy cập hệ thống menu . . . . .	35
Thông báo cảnh báo OSD . . . . .	48
Cài đặt độ phân giải tối đa . . . . .	49
Sử dụng nghiêng, xoay và kéo thẳng . . . . .	50
Nghiêng, xoay . . . . .	50
Kéo thẳng . . . . .	50
<b>Sử dụng ứng dụng AlienwareFX . . . . .</b>	<b>51</b>
Điều kiện tiên quyết . . . . .	51
Điều hướng ứng dụng AlienFX . . . . .	52
Thiết lập hiệu ứng ánh sáng . . . . .	53
Màu cơ bản . . . . .	53
Cài đặt sẵn hoạt ảnh . . . . .	54
Tùy chỉnh màu sắc cài sẵn . . . . .	55
Tạo bộ màu cài sẵn . . . . .	56
Thay đổi màu cài sẵn . . . . .	57
Xóa màu cài sẵn . . . . .	58
Xóa bộ các màu cài sẵn . . . . .	59
<b>Xử lý sự cố . . . . .</b>	<b>60</b>
Tự kiểm tra . . . . .	60
Chẩn đoán tích hợp . . . . .	61
Vấn Đề Thường Gặp . . . . .	62
Vấn Đề Cụ Thể Theo Sản Phẩm . . . . .	64

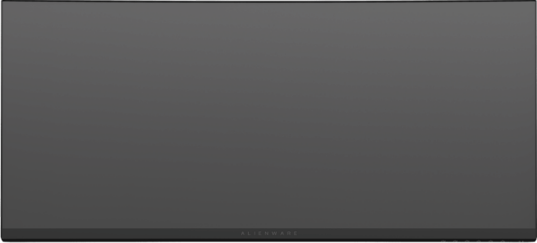

Vân Đề Cự Thẻ Với Cổng Kết Nối Đa Dụng (USB) . . . . .	65
<b>Phụ Lục . . . . .</b>	<b>66</b>
Thông Báo FCC (Chỉ U.S) Và Thông Tin Quy	
Định Khác . . . . .	66
Liên hệ với Dell . . . . .	66

# Thông Tin Về Màn Hình Của Bạn

## Thành Phần Trong Hộp

Màn hình của bạn có các phụ kiện đi kèm được nêu dưới đây. Nếu có thành phần nào bị thiếu, hãy liên hệ bộ phận hỗ trợ kỹ thuật của Dell. Để biết thêm thông tin, xem [Liên hệ với Dell](#).

**CHÚ Ý:** Một số phụ kiện có thể là tùy chọn và có thể không được giao kèm với màn hình của bạn. Một số tính năng hoặc nội dung đa phương tiện có thể không có ở một số nước.

	Màn hình
	Bộ nâng chân đế

	<p>Nắp I/O</p>
	<p>Cáp nguồn (khác nhau tùy theo quốc gia)</p>
	<p>Cáp DisplayPort</p>
	<p>Cáp Mini-DisplayPort sang DisplayPort</p>
	<p>Cáp USB 3.0 kết nối máy tính (Lắp cổng USB trên màn hình)</p>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Hướng Dẫn Cài Đặt Nhanh</li> <li>• Thông Tin An Toàn, Môi Trường Và Quy Định</li> </ul>

## Tính Năng Sản Phẩm

Màn hình **Alienware AW3418DW/AW3418HW** có Bán Dẫn Màn Mỏng (TFT), ma trận chủ động, Màn Hình Hiển Thị Tinh Thể Lỏng (LCD), và đèn nền LED. Tính năng màn hình gồm có:

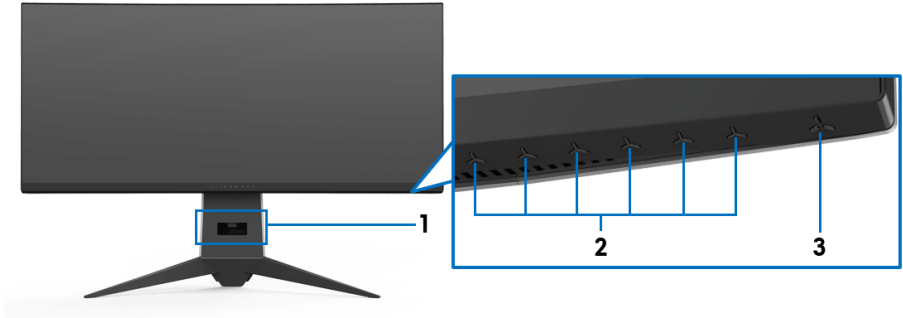
- **AW3418DW:** Vùng nhìn được là 86,72 cm (34,14 inch) (đo chéo). Độ phân giải: Lên tới 3440 x 1440, qua cổng DisplayPort và HDMI, có thể hỗ trợ toàn màn hình hoặc độ phân giải thấp hơn, hỗ trợ tốc độ làm mới cực cao 100 Hz (120 Hz ép xung)
- **AW3418HW:** Vùng nhìn được là 86,70 cm (34,13 inch) (đo chéo). Độ phân giải: Lên tới 2560 x 1080, qua cổng DisplayPort và HDMI, có thể hỗ trợ toàn màn hình hoặc độ phân giải thấp hơn, hỗ trợ tốc độ làm mới cực cao 144 Hz (160 Hz ép xung)
- Màn hình hỗ trợ Nvidia G-Sync, có thời gian phản hồi nhanh 4 ms.
- Gam màu 99% sRGB.
- Nghiêng, xoay, và khả năng điều chỉnh độ cao.
- Chân đế tháo rời và lỗ lắp 100 mm theo quy định của Hiệp Hội Tiêu Chuẩn Điện Tử Video (VESA™) mang tới giải pháp lắp ráp linh hoạt.
- Kết nối số với DisplayPort và HDMI.
- Được trang bị một cổng USB kết nối máy tính và bốn cổng USB kết nối thiết bị ngoại vi.
- Khả năng cắm và chạy nếu được hệ thống của bạn hỗ trợ.
- Điều chỉnh được Hiển Thị Trên Màn Hình (OSD) để dễ dàng thiết lập và tối ưu hóa màn hình.
- AW3418DW và AW3418HW có sáu chế độ thiết lập sẵn bao gồm cả FPS (Bán góc nhìn thứ nhất), RTS (Chiến lược thời gian thực) và RPG (Trò chơi nhập vai), và ba chế độ game để tùy bạn lựa chọn. Ngoài ra, các tính năng chơi game nâng cao chính như Timer (Hẹn giờ), Frame Rate (Tốc Độ Khuôn Hình) và Display Alignment (Cân Chỉnh Màn Hình) được cung cấp để nâng cao hiệu suất của game thủ và mang đến lợi thế chơi game tốt nhất.
- Sử dụng 0,5 W điện chờ khi ở chế độ ngủ.
- Tối ưu khả năng làm dịu mắt với màn hình không nhấp nháy.

**CẢNH BÁO:** Hiệu ứng lâu dài có thể có của tia sáng xanh từ màn hình có thể gây hại cho mắt, như làm mờ, mỏi mắt do kỹ thuật số và vân vân. Tính năng **ComfortView** được thiết kế để giảm lượng ánh sáng xanh phát ra từ màn hình, để làm dịu mắt đến mức tối ưu.



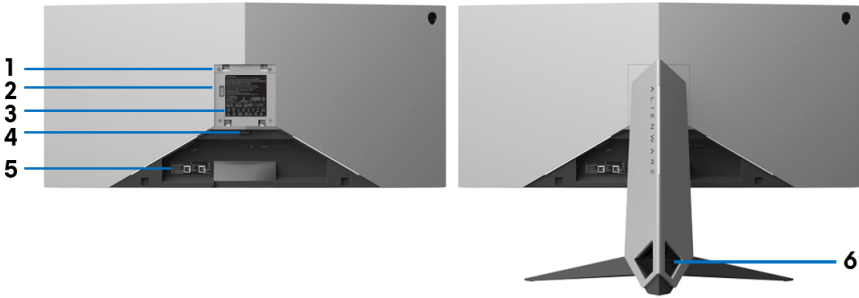
# Nhận Biết Các Bộ Phận Và Điều Khiển

Nhìn từ trước



Nhãn	Mô tả
1	Khe quản lý cáp (trên mặt trước của chân đế)
2	Nút chức năng (Để biết thêm thông tin, xem <a href="#">Sử dụng màn hình</a> )
3	Nút Bật/Tắt nguồn (có chỉ báo đèn LED)

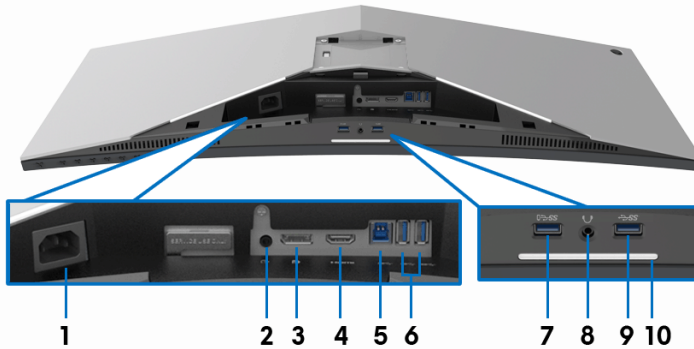
## Nhìn từ sau



Nhìn từ sau có chân đế

Nhãn	Mô tả	Sử dụng
1	Lỗ lắp VESA (100 mm x 100 mm - Nắp VESA lắp phía sau)	Màn hình treo tường sử dụng bộ treo tường tương thích VESA (100 mm x 100 mm).
2	Dock đèn	Khi bộ nâng chân đế được lắp vào màn hình, dock cung cấp nguồn cho đèn trên chân đế.
3	Nhãn quy định	Liệt kê các phê chuẩn theo quy định.
4	Nút nhả chân đế	Nhả chân đế khỏi màn hình.
5	Nhãn số sê-ri mã vạch	Tham khảo nhãn này nếu bạn cần liên hệ với Dell để được hỗ trợ kỹ thuật.
6	Khe quản lý - cáp (Ở hai bên trái và phải của chân đế)	Sử dụng để quản lý dây cáp bằng cách luồn chúng vào qua các khe.

## Nhìn từ phía sau từ phía dưới



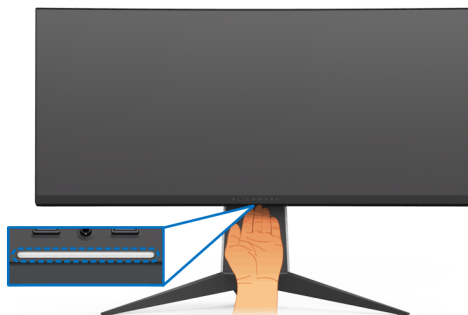
Nhìn từ phía dưới và phía sau không có chân đế

Nhãn	Mô tả	Sử dụng
1	Đầu nối nguồn	Kết nối cáp nguồn (đi kèm với màn hình của bạn).
2	Cổng dây ra	Kết nối với loa. <b>CHÚ Ý:</b> Cổng này không hỗ trợ tai nghe.
3	DisplayPort	Kết nối máy tính với cáp DisplayPort-DisplayPort hoặc Mini-DisplayPort-DisplayPort (đi kèm với màn hình).
4	Cổng HDMI	Kết nối máy tính với cáp HDMI.
5	Cổng USB kết nối máy tính	Kết nối cáp USB (kèm theo màn hình của bạn) vào cổng này và máy tính của bạn để kích hoạt các cổng USB trên màn hình của bạn.
6, 9	Cổng USB 3.0 (3)	Kết nối thiết bị USB. <b>CHÚ Ý:</b> Để sử dụng các cổng này, bạn phải kết nối cáp USB (kèm theo màn hình) vào cổng USB kết nối máy tính trên màn hình và vào máy tính của bạn.
7	Cổng USB có sạc nguồn	Kết nối để sạc thiết bị USB của bạn.
8	Cổng tai nghe	Kết nối tai nghe hoặc loa

10

Đèn gầm

Khi màn hình được thiết lập xong hoàn toàn, chạm vào cảm biến cảm ứng để bật hoặc tắt đèn gầm.



**CHÚ Ý:** Cài đặt mặc định là bật, đèn gầm được kích hoạt nếu cáp nguồn được kết nối. Để thay đổi cài đặt mặc định, xem [AlienFX Lighting \(Ánh sáng AlienFX\)](#).


**CHÚ Ý:** Khi chức năng [Spectrum \(Quang phổ\)](#) là **Bật**, đèn gầm sẽ tắt.

Trạng thái màn hình	Trạng thái đèn gầm	
	Khi <b>Spectrum (Quang phổ)</b> được tắt	Khi <b>Spectrum (Quang phổ)</b> được bật
Bật	Đã bật	Đã tắt
Không Có Tín Hiệu	Đã bật	Đã tắt
Chờ	Đã bật	Đã tắt

# Thông Số Màn Hình

## Thông Số Màn Hình Phẳng

Model	AW3418DW	AW3418HW
Kiểu màn hình	Ma trận chủ động - TFT LCD	
Công nghệ màn hình	Loại In-Plane Switching	
Tỷ lệ khung hình	21:9	
Hình ảnh xem được		
Chéo	867,2 mm (34,14 inch)	867,0 mm (34,13 inch)
Chiều rộng (vùng hoạt động)	799,80 mm (31,49 inch)	799,80 mm (31,49 inch)
Chiều cao (vùng hoạt động)	334,80 mm (13,18 inch)	334,80 mm (13,18 inch)
Tổng khu vực	267773,04 mm <sup>2</sup> (415,01 inch <sup>2</sup> )	267771,43 mm <sup>2</sup> (415,01 inch <sup>2</sup> )
Mật độ điểm ảnh	0,2325 mm x 0,2325 mm	0,31 mm x 0,31 mm
Điểm ảnh mỗi inch (PPI)	109	81,9
Góc nhìn	Thông thường 178° (dọc) Thông thường 178° (ngang)	
Công suất chiếu sáng	300 cd/m <sup>2</sup> (thông thường)	
Tỷ lệ tương phản	1000 đến 1 (thông thường)	
Lớp phủ bản mặt	Chống lóa với độ cứng 3H	
Đèn nền	Hệ thống đèn mép LED	
Thời gian phản hồi	4 ms xám đến xám	
Uốn cong	1900R (thông thường)	3800R (thông thường)
Độ sâu màu	16,77 triệu màu	
Gam màu	sRGB 99%, CIE1931 (73%) và CIE 1976 (82%)	sRGB 99%, CIE1931 (74%) và CIE 1976 (81%)
Thiết bị tích hợp	<ul style="list-style-type: none"><li>Ổ USB 3.0 siêu tốc độ (với một cổng usb 3.0 kết nối máy tính)</li><li>Bốn cổng USB 3.0 kết nối thiết bị ngoại vi (bao gồm một cổng hỗ trợ sạc điện)</li></ul>	

Cổng và Kết nối	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Một DisplayPort phiên bản 1.2</li> <li>• Một cổng HDMI phiên bản 1.4</li> <li>• Một cổng lên USB 3.0 (phía sau)</li> <li>• Hai cổng kết nối ngoại vi USB 3.0 (phía sau)</li> <li>• Hai cổng kết nối ngoại vi USB 3.0 (phía dưới)</li> <li>• Một cổng micrô (phía dưới)</li> <li>• Một cổng ra âm thanh (phía sau)</li> </ul>	
Độ rộng viền (mép màn hình đến vùng hoạt động)	10,45 mm (Trên) 9,77 mm (Trái/Phải) 18,43 mm (Đáy)	7,9 mm (Trên) 7,02 mm (Trái/Phải) 25,58 mm (Đáy)
Khả năng điều chỉnh		
Chân chỉnh chiều cao	0 đến 130 mm	
Nghiêng	-5° đến 25°	
Xoay	-20° đến 20°	
 <b>CHÚ Ý: Không gắn hoặc sử dụng màn hình này theo hướng chân dung (đọc) hoặc hướng ngang (180°) vì bạn có thể làm hỏng màn hình.</b>		

### Thông Số Độ Phân Giải

Model	AW3418DW	AW3418HW
Phạm vi quét ngang	73 kHz đến 151 kHz (tự động)	66 kHz đến 166 kHz (tự động)
Phạm vi quét dọc	30 Hz đến 100 Hz (tự động) 120 Hz (có ép xung)	30 Hz đến 144 Hz (tự động) 160 Hz (có ép xung)
Độ phân giải cài đặt sẵn tối đa	3440 x 1440 ở 120 Hz (có ép xung)	2560 x 1080 ở 160 Hz (có ép xung)

### Chế độ video được hỗ trợ

Model	AW3418DW/AW3418HW
Khả năng phát video (phát HDMI & DP)	480p, 576p, 720p, 1080p, FHD

## Chế độ hiển thị cài sẵn

### Chế độ hiển thị HDMI (AW3418DW)

Chế Độ Hiển Thị	Tần Số Quét Ngang (kHz)	Tần Số Quét Dọc (Hz)	Đồng Hồ Điểm Ảnh (MHz)	Cực Đồng Bộ (Ngang/ Dọc)
IBM VGA, 640 x 480p	31,5	60	25,2	-/-
VESA, 720 x 480p	29,83	60	26,25	+/-
VESA, 720 x 576p	29,55	50	26	+/-
VESA, 800 x 600p	37,88	60	40	+/+
VESA, 1024 x 768p	48,36	60	65	-/-
HDTV, 1280 x 720p	37,5	50	74,25	+/+
HDTV, 1280 x 720p	45	60	74,25	+/+
HDTV, 1920 x 1080p	56,25	50	148,5	-/+
HDTV, 1920 x 1080p	67,5	60	148,5	+/+
3440 x 1440 @ 50Hz	73,7	50	265,25	+/-

### Chế độ hiển thị HDMI (AW3418HW)

Chế Độ Hiển Thị	Tần Số Quét Ngang (kHz)	Tần Số Quét Dọc (Hz)	Đồng Hồ Điểm Ảnh (MHz)	Cực Đồng Bộ (Ngang/ Dọc)
IBM VGA, 640 x 480p	31,5	60	25,2	-/-
VESA, 720 x 480p	29,83	60	26,25	+/-
VESA, 720 x 576p	29,55	50	26	+/-
VESA, 800 x 600p	37,88	60	40	+/+
VESA, 1024 x 768p	48,36	60	65	-/-
HDTV, 1280 x 720p	37,5	50	74,25	+/+
HDTV, 1280 x 720p	45	60	74,25	+/+
HDTV, 1920 x 1080p	56,25	50	148,5	-/+
HDTV, 1920 x 1080p	67,5	60	148,5	+/+
2560 x 1080 @ 60Hz	66,64	60	181,25	+/-

### Chế độ hiển thị DP (AW3418DW)

Chế Độ Hiển Thị	Tần Số Quét Ngang (kHz)	Tần Số Quét Dọc (Hz)	Đồng Hồ Điểm Ảnh (MHz)	Cực Đồng Bộ (Ngang/ Dọc)
VESA, 640 x 480	31,5	60	25,2	-/-
VESA, 800 x 600	37,88	60	40	+/+
VESA, 1024 x 768	48,36	60	65	-/-
3440 x 1440 @ 60Hz	88,8	60	319,75	+/-
3440 x 1440 @ 50Hz	73,7	50	265,25	+/-
3440 x 1440 @ 85Hz	127,4	85	458,5	+/-
3440 x 1440 @ 100Hz	151	100	531,52	+/-
3440 x 1440 @ 105Hz	159	105	559,57	+/-
3440 x 1440 @ 110Hz	166,9	110	587,38	+/-
3440 x 1440 @ 115Hz	172,5	115	607,2	+/+
3440 x 1440 @ 120Hz	180	120	633,6	+/+

### Chế độ hiển thị DP (AW3418HW)

Chế Độ Hiển Thị	Tần Số Quét Ngang (kHz)	Tần Số Quét Dọc (Hz)	Đồng Hồ Điểm Ảnh (MHz)	Cực Đồng Bộ (Ngang/ Dọc)
VESA, 640 x 480	31,5	60	25,2	-/-
VESA, 800 x 600	37,88	60	40	+/+
VESA, 1024 x 768	48,36	60	65	-/-
2560 x 1080 @ 60Hz	66,6	60	181,25	+/-
2560 x 1080 @ 85Hz	95,5	85	259,75	+/-
2560 x 1080 @ 100Hz	113,2	100	308	+/-
2560 x 1080 @ 120Hz	137,2	120	373,25	+/-
2560 x 1080 @ 144Hz	166,5	144	453	+/-
2560 x 1080 @ 150Hz	174,1	150	473,5	+/-
2560 x 1080 @ 155Hz	180,2	155	490,25	+/-
2560 x 1080 @ 160Hz	186,5	160	507,25	+/-



 **CHÚ Ý:** Màn hình này hỗ trợ NVIDIA G-Sync. Để biết thông tin về card đồ họa hỗ trợ tính năng NVIDIA G-SYNC, truy cập vào [www.geforce.com](http://www.geforce.com).

## Thông Số Điện

Model	AW3418DW	AW3418HW
Tín hiệu vào video	<ul style="list-style-type: none"><li>HDMI 1.4, 600 mV cho mỗi đường vi sai, 100 ohm trở kháng vào cho mỗi cặp vi sai</li><li>DisplayPort 1.2, 600 mV cho mỗi đường vi sai, 100 ohm trở kháng vào cho mỗi cặp vi sai</li></ul>	
Điện áp AC/tần số/ dòng điện vào	100 VAC đến 240 VAC / 50 Hz hoặc 60 Hz $\pm$ 3 Hz / 1,8 A (thông thường)	100 VAC đến 240 VAC / 50 Hz hoặc 60 Hz $\pm$ 3 Hz / 1,5 A (thông thường)
Điện khởi động	<ul style="list-style-type: none"><li>120 V: 30 A (Tối đa) tại 0°C (khởi động nguội)</li><li>220 V: 60 A (Tối đa) tại 0°C (khởi động nguội)</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>120 V: 30 A (Tối đa) tại 0°C (khởi động nguội)</li><li>220 V: 60 A (Tối đa) tại 0°C (khởi động nguội)</li></ul>

## Đặc Điểm Vật Lý

Model	AW3418DW	AW3418HW
Kiểu cáp tín hiệu	<ul style="list-style-type: none"><li>Kỹ thuật số: HDMI, 19 chân (không gồm cáp)</li><li>Kỹ thuật số: DisplayPort, 20 chân</li><li>Universal Serial Bus: USB, 9 chân</li></ul>	
<b>Kích thước (có chân đế)</b>		
Chiều cao (kéo dài)	560,89 mm (22,08 inch)	563,15 mm (22,17 inch)
Chiều cao (thu gọn)	442,44 mm (17,42 inch)	442,44 mm (17,42 inch)
Chiều rộng	813,45 mm (32,03 inch)	813,83 mm (32,04 inch)
Chiều sâu	319,09 mm (12,56 inch)	319,09 mm (12,56 inch)

<b>Kích thước (không có chân đế)</b>		
Chiều cao	363,68 mm (14,32 inch)	368,28 mm (14,50 inch)
Chiều rộng	813,45 mm (32,03 inch)	813,83 mm (32,04 inch)
Chiều sâu	121,37 mm (4,78 inch)	95,15 mm (3,74 inch)
<b>Kích thước chân đế</b>		
Chiều cao (kéo dài)	448,95 mm (17,68 inch)	
Chiều cao (thu gọn)	442,44 mm (17,42 inch)	
Chiều rộng	559,40 mm (22,02 inch)	
Chiều sâu	319,09 mm (12,56 inch)	
<b>Trọng lượng</b>		
Trọng lượng gồm bao bì	19,28 kg (42,49 lb)	18,89 kg (41,64 lb)
Trọng lượng gồm bộ chân đế và cáp	12,24 kg (26,98 lb)	11,81 kg (26,03 lb)
Trọng lượng không có bộ chân đế (Đề tham khảo khi lắp tường hoặc lắp VESA - không có cáp)	7,27 kg (16,02 lb)	6,91 kg (15,23 lb)
Trọng lượng của bộ chân đế	4,59 kg (10,12 lb)	4,52 kg (9,96 lb)
Độ bóng khung trước	Khung Đen - đơn vị độ bóng (tối đa) 20	

## **Đặc Tính Môi Trường**

<b>Model</b>	<b>AW3418DW</b>	<b>AW3418HW</b>
<b>Tiêu Chuẩn Tương Thích</b>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>Màn hình bằng kính không có thạch tín và thủy ngân.</li> </ul>		
<b>Nhiệt độ</b>		
Hoạt động	0°C đến 40°C (32°F đến 104°F)	
Không hoạt động	<ul style="list-style-type: none"> <li>Bảo quản: -20°C đến 60°C (-4°F đến 140°F)</li> <li>Vận chuyển: -20°C đến 60°C (-4°F đến 140°F)</li> </ul>	

<b>Độ âm</b>		
Hoạt động	10% đến 80% (không ngưng tụ)	
Không hoạt động	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Bảo quản: 5% đến 90% (không ngưng tụ)</li> <li>• Vận chuyển: 5% đến 90% (không ngưng tụ)</li> </ul>	
<b>Cao độ</b>		
Hoạt động	5000 m (16404 ft) (tối đa)	
Không hoạt động	12192 m (40000 ft) (tối đa)	
<b>Tản nhiệt</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• 375,3 BTU/giờ (tối đa)</li> <li>• 204,7 BTU/giờ (thông thường)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• 324,1 BTU/giờ (tối đa)</li> <li>• 170,6 BTU/giờ (thông thường)</li> </ul>

### Chế Độ Quản Lý Điện

Nếu bạn có card hoặc phần mềm hiển thị tuân thủ DPM™ của VESA cài đặt trong máy tính của bạn thì màn hình có thể tự động giảm tiêu thụ điện khi không sử dụng. Tính năng này được gọi là **Chế Độ Tiết Kiệm Điện\***. Nếu máy tính phát hiện có nhập liệu từ bàn phím, chuột hoặc các thiết bị nhập liệu khác, thì màn hình sẽ tự động khôi phục hoạt động. Bảng sau thể hiện mức tiêu thụ điện và báo hiệu của tính năng tiết kiệm điện tự động này.

#### AW3418DW

Chế Độ VESA	Đồng Bộ Ngang	Đồng Bộ Dọc	Video	Đèn báo nguồn	Tiêu Thụ Điện
Hoạt động bình thường	Hoạt động	Hoạt động	Hoạt động	Xanh trời	110 W (tối đa)** 60 W (thông thường)
Chế độ tắt hoạt động	Không hoạt động	Không hoạt động	Trống	Trắng (nhấp nháy)	Nhỏ hơn 0,5 W
Tắt nguồn	-	-	-	Tắt	Nhỏ hơn 0,3 W

#### AW3418HW

Chế Độ VESA	Đồng Bộ Ngang	Đồng Bộ Dọc	Video	Đèn báo nguồn	Tiêu Thụ Điện
Hoạt động bình thường	Hoạt động	Hoạt động	Hoạt động	Xanh trời	95 W (tối đa)** 50 W (thông thường)

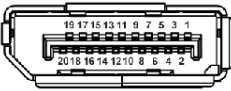
Chế độ tắt hoạt động	Không hoạt động	Không hoạt động	Trống	Trắng (nhấp nháy)	Nhỏ hơn 0,5 W
Tắt nguồn	-	-	-	Tắt	Nhỏ hơn 0,3 W

\* Chỉ có thể đạt được mức tiêu thụ điện bằng không trong chế độ TẮT bằng cách rút cáp nguồn khỏi màn hình.

\*\* Tiêu thụ điện tối đa với mức chiếu sáng tối đa và USB hoạt động.

## Chỉ Định Chân

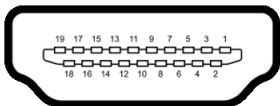
### Đầu nối DisplayPort



Số Chân	Mặt 20 Chân Của Cáp Tín Hiệu Kết Nối
1	ML0(p)
2	GND
3	ML0(n)
4	ML1(p)
5	GND
6	ML1(n)
7	ML2(p)
8	GND
9	ML2(n)
10	ML3(p)
11	GND
12	ML3(n)
13	GND
14	GND
15	AUX(p)
16	GND
17	AUX(n)
18	GND

19	Re-PWR
20	+3,3 V DP_PWR

## Đầu nối HDMI




Số Chân	Mặt 19 Chân Của Cáp Tín Hiệu Kết Nối
1	DỮ LIỆU TMDS 2+
2	LỚP CHẮN DỮ LIỆU TMDS 2
3	DỮ LIỆU TMDS 2-
4	DỮ LIỆU TMDS 1+
5	LỚP CHẮN DỮ LIỆU TMDS 1
6	DỮ LIỆU TMDS 1-
7	DỮ LIỆU TMDS 0+
8	LỚP CHẮN DỮ LIỆU TMDS 0
9	DỮ LIỆU TMDS 0-
10	ĐỒNG HỒ TMDS+
11	LỚP CHẮN ĐỒNG HỒ TMDS
12	ĐỒNG HỒ TMDS-
13	CEC
14	Dự trữ (N.C. trên thiết bị)
15	ĐỒNG HỒ DDC (SCL)
16	DỮ LIỆU DDC (SDA)
17	DDC/CEC Nối đất
18	+5V NGUỒN
19	PHÁT HIỆN CẢM NÓNG

## Khả Năng Cắm và Chạy


Bạn có thể cài đặt màn hình vào bất kỳ hệ thống nào tương thích với khả năng Cắm và Chạy. Màn hình sẽ tự cung cấp cho hệ thống máy tính Dữ Liệu Nhận Biết Hiển Thị Mở Rộng (EDID) sử dụng các giao thức Kênh Dữ Liệu Hiển Thị (DDC) để hệ thống có thể tự động cấu hình và tối ưu hóa các cài đặt màn hình. Hầu hết các cài đặt màn hình là tự động; bạn có thể chọn cài đặt khác nếu muốn. Để biết thêm thông tin về việc thay đổi cài đặt màn hình, xem [Sử dụng màn hình](#).

## Giao Diện Cổng Kết Nối Đa Dụng (USB)

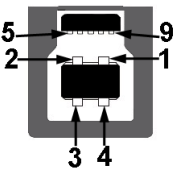
Phần này cung cấp cho bạn thông tin về các cổng USB có trên màn hình.

 **CHÚ Ý:** Màn hình này tương thích USB 3.0 tốc độ cực nhanh.

Tốc Độ Truyền	Tốc Độ Dữ Liệu	Tiêu Thụ Điện*
Tốc độ rất nhanh	5 Gbps	4,5 W (Tối đa, mỗi cổng)
Tốc độ cao	480 Mbps	4,5 W (Tối đa, mỗi cổng)
Tốc độ đầy đủ	12 Mbps	4,5 W (Tối đa, mỗi cổng)

\* Lên đến 2 A trên cổng USB kết nối thiết bị ngoại vi (cổng có biểu tượng pin ) với các thiết bị tuân thủ phiên bản sạc pin hoặc các thiết bị USB bình thường.

### Đầu Nối Lên USB



Số Chân	Mặt 9 Chân Của Đầu Nối
1	VCC
2	D-
3	D+
4	GND
5	SSTX-


6	SSTX+
7	GND
8	SSRX-
9	SSRX+

## Đầu Nối Xuống USB




Số Chân	Mặt 9 Chân Của Đầu Nối
1	VCC
2	D-
3	D+
4	GND
5	SSRX-
6	SSRX+
7	GND
8	SSTX-
9	SSTX+

## Cổng USB

- Một cổng kết nối máy tính - phía sau
- Hai cổng kết nối thiết bị ngoại vi - phía sau
- Hai cổng kết nối thiết bị ngoại vi - phía dướ
- Cổng nạp nguồn - cổng có biểu tượng pin ; hỗ trợ khả năng nạp điện nhanh, nếu thiết bị tương thích BC1.2.

 **CHÚ Ý:** Chức năng USB 3.0 đòi hỏi máy tính phải hỗ trợ USB 3.0.

 **CHÚ Ý:** Các cổng USB của màn hình này chỉ hoạt động khi màn hình đang bật hoặc ở trong chế độ tiết kiệm điện. Nếu bạn Tắt màn hình và sau đó Bật lại, các thiết bị ngoại vi kèm theo có thể mất một vài giây để khôi phục chức năng bình thường.

## Chính Sách Điểm Ảnh Và Chất Lượng Màn Hình LCD

Trong quá trình sản xuất màn hình LCD, đôi khi có một hoặc nhiều điểm ảnh bị cố định ở một trạng thái không thay đổi, khó có thể nhìn thấy và không ảnh hưởng đến chất lượng hiển thị hoặc khả năng sử dụng. Để biết thêm thông tin về Chính Sách Điểm Ảnh Và Chất Lượng Màn Hình LCD, xem [www.dell.com/support/monitors](http://www.dell.com/support/monitors).

## Hướng Dẫn Bảo Trì

### Vệ Sinh Màn Hình

△ **THẬN TRỌNG:** Đọc và làm theo [Hướng Dẫn Về An Toàn](#) trước khi vệ sinh màn hình.

⚠ **CẢNH BÁO:** Trước khi vệ sinh màn hình, rút cáp nguồn màn hình ra khỏi ổ điện.

Để biết cách làm tốt nhất, hãy làm theo các hướng dẫn trong danh sách dưới đây trong khi mở hộp, vệ sinh hoặc xử lý màn hình của bạn:

- Để vệ sinh màn hình chống tĩnh điện của bạn, nhúng nhẹ miếng vải mềm, sạch vào nước. Nếu có thể, sử dụng vải mỏng vệ sinh màn hình đặc biệt hoặc dung dịch phù hợp với lớp phủ chống tĩnh điện. Không sử dụng benzen, chất tẩy rửa, amoniac, chất tẩy rửa mài mòn, hoặc khí nén.
- Sử dụng vải nhúng nước ấm để vệ sinh màn hình. Tránh sử dụng bất cứ chất tẩy rửa nào do một số chất tẩy rửa để lại lớp màng trên màn hình.
- Nếu bạn thấy có lớp bột trắng khi mở hộp màn hình, hãy lau bằng miếng vải.
- Thao tác cẩn thận với màn hình do màn hình màu hơi tối có thể bị trầy xước và để lại vết trầy màu trắng có màu sáng hơn màu sáng của màn hình.
- Để giúp duy trì chất lượng hình ảnh tốt nhất trên màn hình, sử dụng hình nền bảo vệ màn hình tự động thay đổi và Tắt màn hình khi không sử dụng.



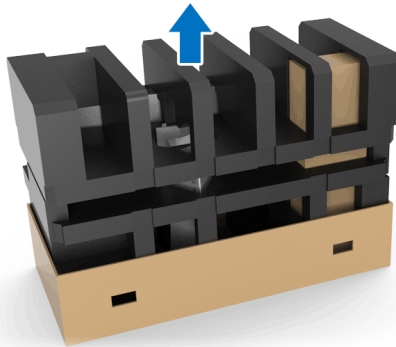
# Lắp đặt màn hình

## Lắp chân đế

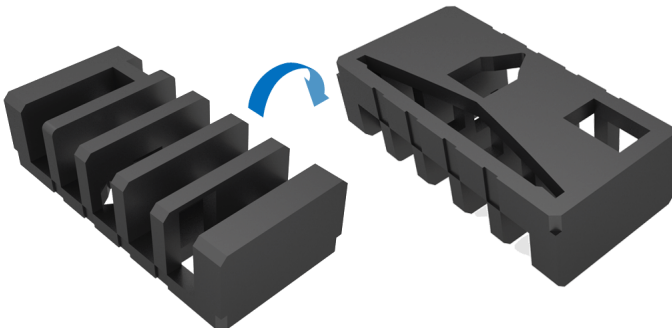
- ✎ CHÚ Ý: Chân đế không được lắp đặt tại nhà máy khi được vận chuyển.
- ✎ CHÚ Ý: Các hướng dẫn sau đây chỉ được dùng để lắp chân đế đi kèm với màn hình của bạn. Nếu bạn lắp chân đế mua từ nguồn khác, hãy làm theo các hướng dẫn lắp đặt đi kèm với chân đế đó.
- △ **THẬN TRỌNG:** Các bước thực hiện là rất quan trọng để bảo vệ màn hình cong của bạn. Làm theo các hướng dẫn dưới đây để hoàn thành quá trình lắp đặt.

Để lắp chân đế màn hình:

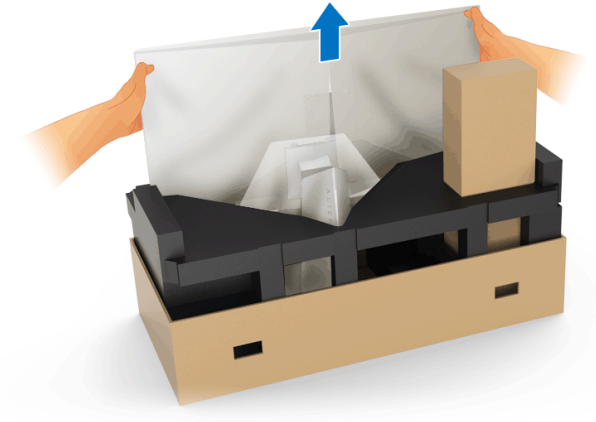
1. Sau khi mở hộp, tháo đệm bọt khỏi phần trên cùng của bao bì.



2. Lật ngược đệm bọt và đặt nó lên bề mặt phẳng.



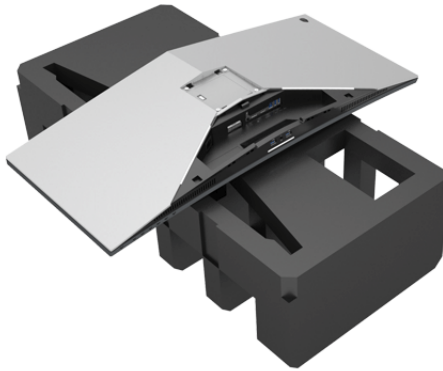
3. Nhẹ nhàng nâng màn hình lên bằng cách giữ chắc hai bên.



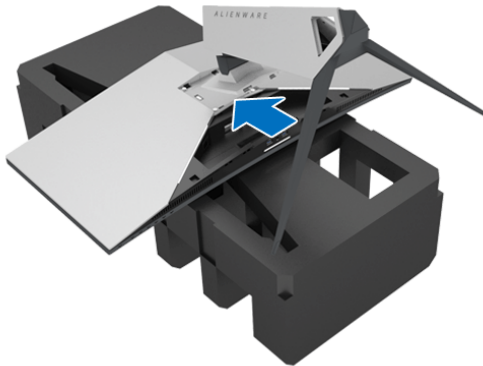
4. Đặt màn hình lên đệm bọt và nhấc nắp ra khỏi màn hình.



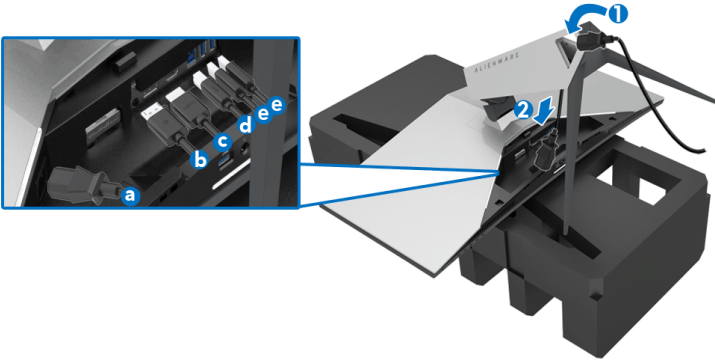
5. Đặt màn hình lên đệm bọt, mặt màn hình quay xuống.



6. Lắp bộ nâng chân để xuống cho đến khi nó khớp vào vị trí.



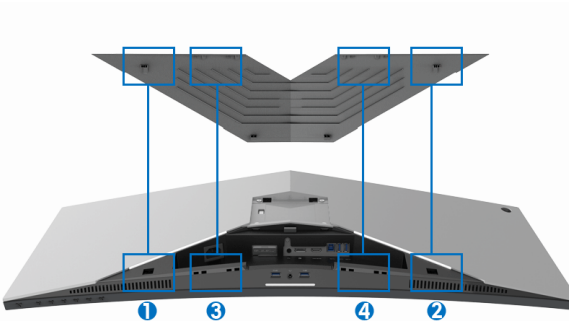
7. Kết nối cáp cần thiết vào màn hình, như thể hiện trong hình minh họa, và luồn cáp qua khe quản lý cáp trên bộ nâng chân đế.
- Cáp nguồn
  - Cáp DisplayPort hoặc Mini-DisplayPort sang DisplayPort
  - Cáp HDMI (tùy chọn, không bao gồm cáp)
  - Cáp USB kết nối máy tính
  - Cáp USB kết nối thiết bị ngoại vi (tùy chọn, không bao gồm cáp)



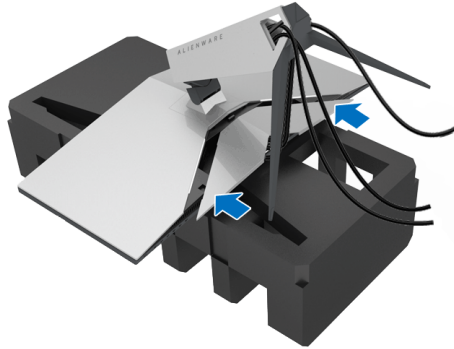
**CHÚ Ý:** Đi dây cáp gọn gàng để sắp xếp vừa sau khi lắp nắp I/O cáp.

**CẢNH BÁO:** Không cắm cáp nguồn vào ổ cắm tường hoặc bật màn hình cho tới khi được hướng dẫn để làm như vậy.

- Đảm bảo các tab trên nắp I/O được cân chỉnh với khe 1 và khe 2 ở phía sau màn hình.
- Đảm bảo các tab trên nắp I/O được cân chỉnh với khe 3 và khe 4 ở phía sau màn hình.



10. Trượt nắp I/O vào cho đến khi nó khớp vào vị trí.



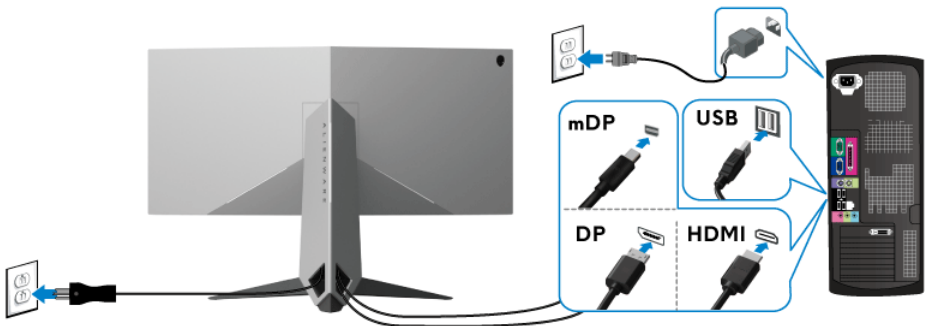
**CHÚ Ý:** Đảm bảo dây cáp không bị tắc và luồn qua nắp I/O và khe quản lý cáp trên bộ nâng chân đế.

### Kết nối máy tính

**CẢNH BÁO:** Trước khi bắt đầu bất kỳ quy trình nào trong phần này, hãy làm theo [Hướng Dẫn Về An Toàn](#).

**CHÚ Ý:** Không kết nối tất cả các cáp vào máy tính cùng một lúc.

Để kết nối với màn hình của bạn với máy tính:



1. Kết nối đầu kia của cáp DisplayPort (hoặc Mini-DisplayPort sang DisplayPort), hoặc HDMI vào máy tính của bạn.
2. Kết nối cổng lên USB 3.0 (cáp được cung cấp) với cổng USB 3.0 thích hợp trên máy tính của bạn. (Xem [Nhìn từ phía sau từ phía dưới](#) để biết chi tiết.)

3. Kết nối các thiết bị ngoại vi USB 3.0 với các cổng USB 3.0 xuống trên màn hình.
4. Cắm cáp nguồn của máy tính và màn hình vào ổ cắm ở gần.
5. Bật màn hình và máy tính.

Nếu màn hình của bạn hiển thị một hình ảnh, thì cài đặt đã hoàn tất. Nếu nó không hiển thị hình ảnh, hãy xem [Vấn Đề Cụ Thể Với Cổng Kết Nối Đa Dụng \(USB\)](#).

**CHÚ Ý:** Các đồ họa được sử dụng chỉ cho mục đích minh họa. Giao diện của các máy tính có thể thay đổi.

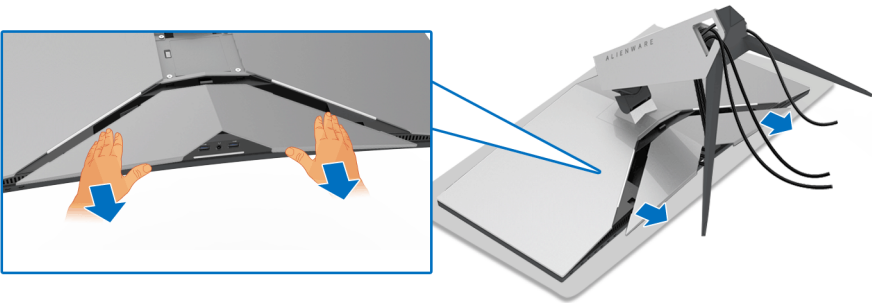
## Tháo chân đế màn hình

**CHÚ Ý:** Để tránh làm xước màn LCD khi tháo chân đế, đảm bảo phải đặt màn hình trên bề mặt sạch, mềm.

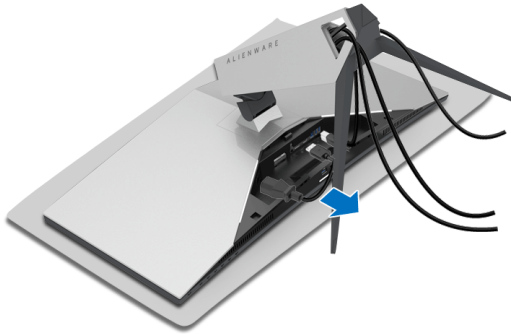
**CHÚ Ý:** Các hướng dẫn sau đây chỉ được dùng để lắp chân đế đi kèm với màn hình của bạn. Nếu bạn lắp chân đế mua từ nguồn khác, hãy làm theo các hướng dẫn lắp đặt đi kèm với chân đế đó.

Để tháo chân đế:

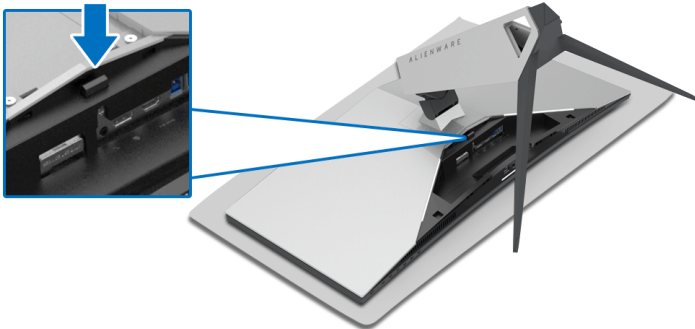
1. Tắt màn hình.
2. Ngắt kết nối cáp khỏi máy tính.
3. Đặt màn hình lên miếng vải hoặc đệm mềm.
4. Nhấn nhẹ lên nắp I/O để trượt ngang nó ra khỏi màn hình.



5. Ngắt kết nối cáp khỏi màn hình và trượt cáp qua khe quản lý cáp trên bộ nâng chân đế.



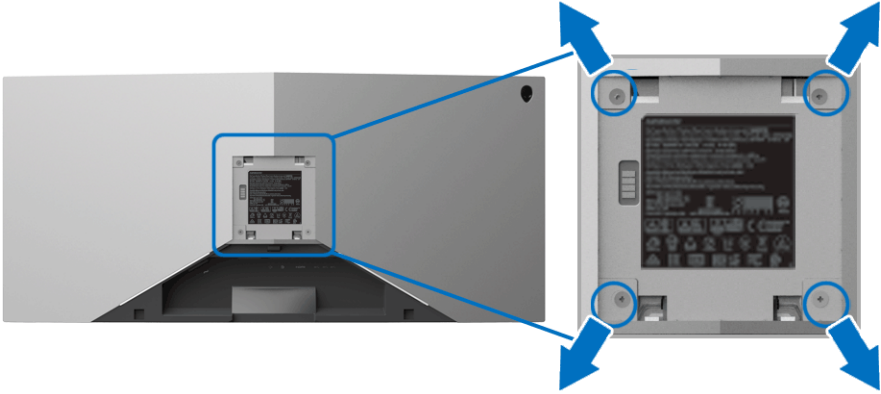
6. Nhấn và giữ nút nhà chân đế.



7. Nâng bộ nâng chân đế lên và lấy ra khỏi màn hình.



## VESA treo tường (tùy chọn)



(Kích thước vít: M4 x 10 mm).

Tham khảo hướng dẫn đi kèm với bộ treo tường tương thích VESA.

1. Đặt khung màn hình lên miếng vải hoặc đệm mềm trên bề mặt phẳng và chắc chắn.
2. Tháo chân đế màn hình. (Xem [Tháo chân đế màn hình.](#))
3. Sử dụng một tuốc nơ vít Phillips đầu tròn để tháo bốn vít bảo vệ nắp nhựa.
4. Lắp giá treo tường của bộ giá đỡ treo tường vào màn hình.
5. Treo màn hình lên tường. Để biết thêm thông tin, xem tài liệu hướng dẫn được cung cấp với bộ dụng cụ treo tường.

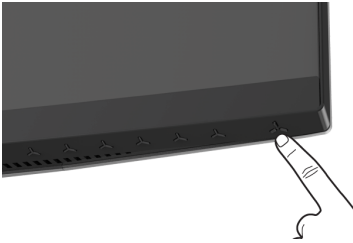
**CHÚ Ý:** Chỉ sử dụng với giá treo tường có trong danh sách UL có khả năng chịu trọng lượng tối thiểu hoặc tải trọng 29,1 kg (AW3418DW)/ 27,6 kg (AW3418HW).



# Sử dụng màn hình

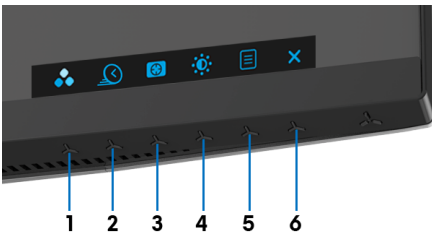
## Bật nguồn màn hình

Nhấn nút Nguồn để bật màn hình.









## Sử dụng điều khiển trên bảng điều khiển trước

Sử dụng nút điều khiển trên mặt trước của màn hình để điều chỉnh các cài đặt.



Bảng dưới đây mô tả các nút ở bảng điều khiển trước:





Nút bảng điều khiển phía trước	Mô tả
1  Phím tắt/ Preset Modes (Chế Độ Cài Đặt Trước)	Sử dụng nút này để lựa chọn từ một danh sách các chế độ màu cài đặt trước.
2  Phím tắt/ Overclock Refresh Rate (Tốc độ làm mới ép xung)	Sử dụng nút này để khởi chạy menu <b>Overclock Refresh Rate (Tốc độ làm mới ép xung)</b> .

3		Sử dụng nút này để khởi chạy menu <b>Dark Stabilizer (Bộ ổn định cảnh tối)</b> .
	<b>Phím tắt/ Dark Stabilizer (Bộ ổn định cảnh tối)</b>	
4		Sử dụng nút này để truy cập trực tiếp menu <b>Brightness/Contrast (Độ sáng/Độ tương phản)</b> .
	<b>Phím tắt/ Brightness/Contrast (Độ sáng/Độ tương phản)</b>	
5		Sử dụng nút <b>MENU</b> để khởi chạy Hiển thị trên màn hình (OSD). Xem <a href="#">Truy cập hệ thống menu</a> .
	<b>Menu</b>	
6		Sử dụng nút này để thoát menu chính OSD.
	<b>Thoát</b>	

### Nút bảng điều khiển phía trước

Sử dụng các nút trên mặt trước của màn hình để điều chỉnh các cài đặt hình ảnh.




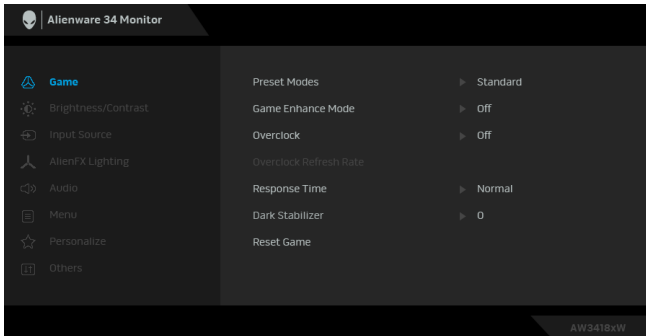
Nút bảng điều khiển phía trước	Mô tả
1  <b>Lên</b>	Sử dụng nút <b>Lên</b> để điều chỉnh (tăng phạm vi) các mục trong menu OSD.
2  <b>Xuống</b>	Sử dụng nút <b>Xuống</b> để điều chỉnh (giảm phạm vi) các mục trong menu OSD.
3  <b>Chọn</b>	Nhấp vào nút <b>Chọn</b> để xác nhận lựa chọn.
4  <b>Quay lại</b>	Sử dụng nút <b>Quay lại</b> để trở lại menu trước.








# Sử Dụng Menu Hiển Thị Trên Màn Hình (OSD)

## Truy cập hệ thống menu

**CHÚ Ý:** Nếu bạn thay đổi các cài đặt và sau đó tiến tới menu khác hoặc thoát menu OSD, màn hình sẽ tự động lưu những thay đổi đó. Những thay đổi cũng được lưu nếu bạn thay đổi các cài đặt và sau đó chờ cho menu OSD biến mất.

1. Nhấn nút  để khởi chạy menu OSD và hiển thị menu chính.



2. Nhấn nút  và  để di chuyển giữa các tùy chọn cài đặt. Khi bạn di chuyển từ biểu tượng này sang biểu tượng khác, tên tùy chọn được đánh dấu nổi bật. Xem bảng dưới đây về danh sách đầy đủ của tất cả các tùy chọn có sẵn cho màn hình.
3. Nhấn nút  một lần để kích hoạt tùy chọn được đánh dấu nổi bật.
4. Nhấn nút  và  để chọn thông số mong muốn.
5. Nhấn  để vào menu phụ và sau đó sử dụng các nút định hướng, theo các chỉ báo trên menu, để thực hiện thay đổi.
6. Chọn nút  để quay trở lại menu chính.

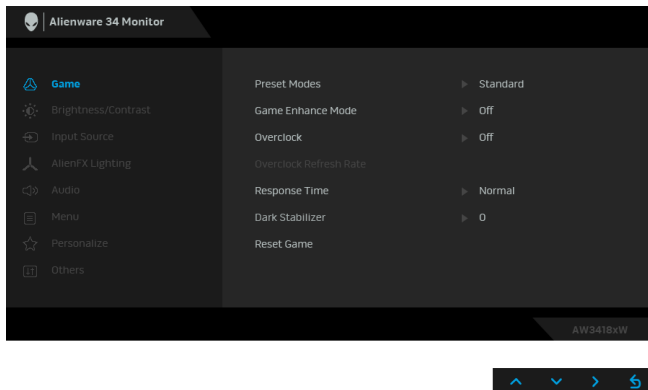
**Biểu tượng**    **Menu và menu phụ**

**Mô tả**



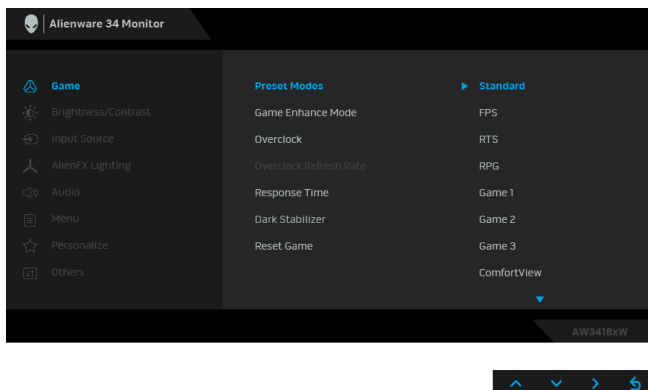
**Game**

Sử dụng menu này để cá nhân hóa trải nghiệm chơi trực quan của bạn.



**Preset Modes (Chế Độ Cài Đặt Trước)**

Cho phép bạn chọn từ một danh sách các chế độ màu cài đặt trước.



- **Standard (Tiêu Chuẩn):** Tải cài đặt màu mặc định của màn hình. Đây là chế độ cài đặt trước mặc định.
- **FPS:** Tải cài đặt màu hữu ích cho các game Bắn súng góc nhìn thứ nhất.
- **RTS:** Tải cài đặt màu hữu ích cho các game chiến lược thời gian thực.
- **RPG:** Tải cài đặt màu hữu ích cho các game nhập vai.



---

**Preset Modes  
(Chế Độ Cài  
Đặt Trước)**

- **Game 1 (Trò chơi 1)/Game 2 (Trò chơi 2)/Game 3 (Trò chơi 3):** Cho phép bạn tùy chỉnh cài đặt màu cho nhu cầu chơi game.
- **ComfortView:** Giảm mức ánh sáng xanh phát ra từ màn hình để xem thoải mái hơn cho đôi mắt của bạn.

**CẢNH BÁO: Các ảnh hưởng lâu dài có thể xảy ra đối với phát xạ ánh sáng xanh từ màn hình có thể gây thương tích cá nhân như làm căng mắt kỹ thuật số, mỏi mắt và tổn thương mắt. Sử dụng màn hình trong thời gian dài cũng có thể gây đau ở các bộ phận của cơ thể như cổ, cánh tay, lưng và vai.**

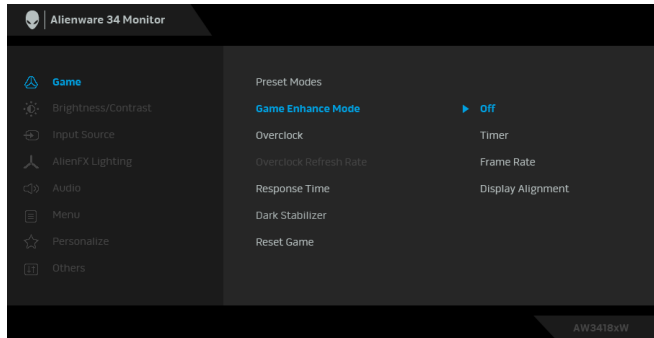
Để giảm nguy cơ mỏi mắt và đau cổ/tay/lưng/vai từ việc sử dụng màn hình trong thời gian dài, bạn nên:

1. Ngồi cách màn hình khoảng 20 đến 28 inch (50-70 cm).
  2. Nháy mắt thường xuyên để làm ẩm mắt hoặc làm ướt mắt bằng nước sau khi sử dụng màn hình lâu dài.
  3. Nghỉ giải lao thường xuyên và đều đặn 20 phút mỗi hai giờ.
  4. Không nhìn vào màn hình và nhìn vào một vật ở xa cách 20 feet trong ít nhất 20 giây ở các lần nghỉ.
  5. Thực hiện các động tác cơ duỗi để làm giảm căng thẳng ở cổ/tay/lưng/vai trong giờ giải lao.
- **Warm (Ấm):** Tăng nhiệt độ màu. Màn hình có vẻ ấm hơn với sắc màu đỏ/vàng.
  - **Cool (Mát):** Giảm nhiệt độ màu. Màn hình có vẻ mát hơn với sắc màu xanh.
  - **Custom Color (Màu Tùy Chỉnh):** Cho phép bạn tự điều chỉnh các cài đặt màu. Nhấn nút  và  để điều chỉnh ba giá trị màu (R, G, B) và tạo ra tùy chỉnh màu cài đặt trước của riêng bạn.
-

---

## Game Enhance Mode (Chế độ Tăng cường Trò chơi)

Tính năng này cung cấp ba chức năng để nâng cao trải nghiệm chơi game của bạn.



- **Off (Tắt)**

Chọn để vô hiệu hóa các chức năng trong phần **Game Enhance Mode (Chế độ Tăng cường Trò chơi)**.

- **Timer (Hẹn giờ)**

Cho phép bạn tắt hoặc bật đồng hồ ở góc trên bên trái của màn hình. Đồng hồ cho biết thời gian trôi qua kể từ khi trò chơi bắt đầu. Chọn một tùy chọn từ danh sách khoảng thời gian để đo tốc độ trò chơi mục tiêu của bạn.

- **Frame Rate (Tốc Độ Khuôn Hình)**

Chọn **On (Bật)** cho phép bạn hiển thị khung hình hiện tại mỗi giây khi chơi trò chơi. Tốc độ càng cao thì chuyển động càng mượt.

- **Display Alignment (Cân Chỉnh Màn Hình)**

Kích hoạt chức năng này để cân chỉnh tốt nội dung video từ nhiều màn hình hiển thị.

---

---

**Overclock (Ép xung)**

Cho phép bạn chạy màn hình ở tốc độ làm mới cao hơn mức quy định theo thông số của bảng điều khiển.

**CHÚ Ý:** Chức năng này chỉ có sẵn khi sử dụng đầu vào DP (DisplayPort).

**CHÚ Ý:** Ép xung có thể khiến màn hình nhấp nháy. Để giảm bớt tác dụng như vậy, thử cài đặt tốc độ làm mới thấp hơn trong menu **Overclock Refresh Rate (Tốc độ làm mới ép xung)**.

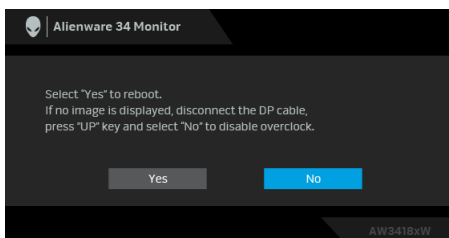
---

**Overclock Refresh Rate (Tốc độ làm mới ép xung)**

Chức năng này làm tăng tần số làm mới màn hình của bạn.

Sử dụng ▲ hoặc ▼ để điều chỉnh tần số theo gia số 5 Hz, từ 105 đến 120 Hz (cho AW3418DW) hoặc 150 đến 160 Hz (cho AW3418HW).

Sau khi xác định tốc độ làm mới, thông báo sau sẽ xuất hiện để hướng dẫn bạn trong quá trình:



**CHÚ Ý:** Chức năng này chỉ có khi **Overclock (Ép xung)** được bật.

**CHÚ Ý:** Ép xung có thể khiến màn hình nhấp nháy. Để giảm bớt tác dụng như vậy, thử cài đặt tần số làm mới thấp hơn.

---

**Response Time (Thời Gian Phản Hồi)**

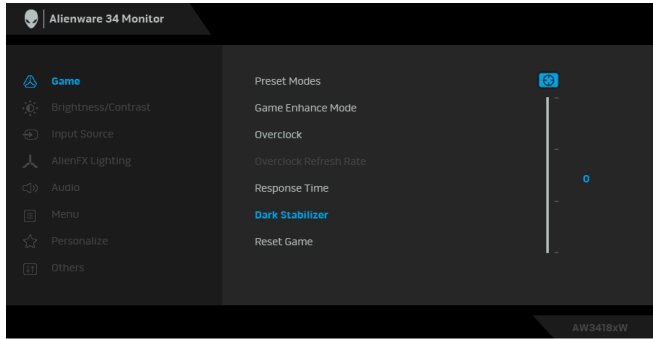
Cho phép bạn đặt **Response Time (Thời Gian Phản Hồi)** sang **Normal (Bình thường)**, **Fast (Nhanh)** hoặc **Super Fast (Siêu nhanh)**.

---

---

### Dark Stabilizer (Bộ ổn định cảnh tối)

Tính năng này nâng cao khả năng hiển thị trong các cảnh chơi game tối. Giá trị càng cao (từ 0 đến 3), thì khả năng hiển thị càng tốt hơn ở vùng tối của hình ảnh hiển thị.



---

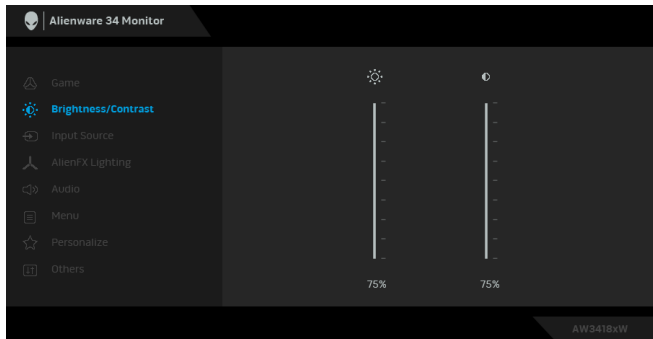
### Reset Game (Cài Đặt Lại Trò Chơi)

Chọn tùy chọn này để khôi phục lại các cài đặt game mặc định.



### Brightness/ Contrast (Độ sáng/ Độ tương phản)



Sử dụng menu này để kích hoạt điều chỉnh **Brightness/Contrast (Độ sáng/Độ tương phản)**.



---

### Brightness (Độ sáng)

**Brightness (Độ sáng)** điều chỉnh độ sáng của đèn nền.


Nhấn nút  để tăng độ sáng và nhấn nút  để giảm độ sáng (tối thiểu 0 / tối đa 100).



---

### **Contrast (Độ tương phản)**

Trước tiên, điều chỉnh **Brightness (Độ sáng)**, sau đó điều chỉnh **Contrast (Độ tương phản)** chỉ khi cần điều chỉnh thêm.

Nhấn nút  để tăng độ tương phản và nhấn nút  để giảm độ tương phản (tối thiểu 0 / tối đa 100).

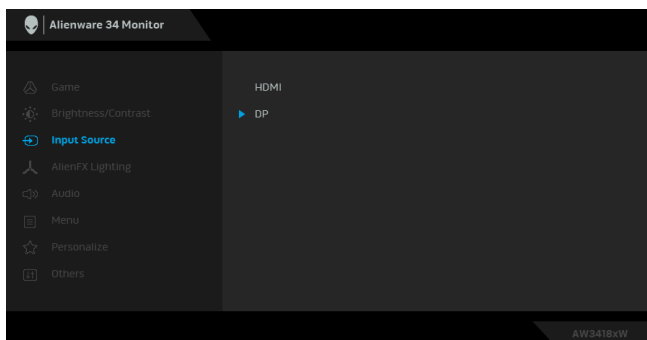
Chức năng **Contrast (Độ tương phản)** điều chỉnh mức độ khác nhau giữa độ tối và độ sáng trên màn hình.

---



### **Input Source (Nguồn Đầu Vào)**

Sử dụng menu **Input Source (Nguồn Đầu Vào)** để chọn giữa các tín hiệu video khác nhau có thể được kết nối với màn hình của bạn.



---

### **HDMI**

Chọn đầu vào **HDMI** khi bạn sử dụng đầu nối HDMI.

### **DP**

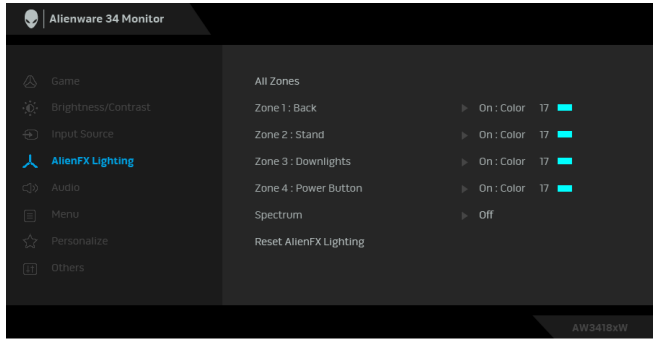
Chọn đầu vào **DP** khi bạn sử dụng đầu nối DisplayPort (DP).

---

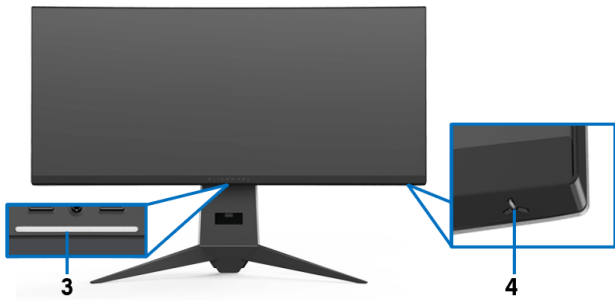
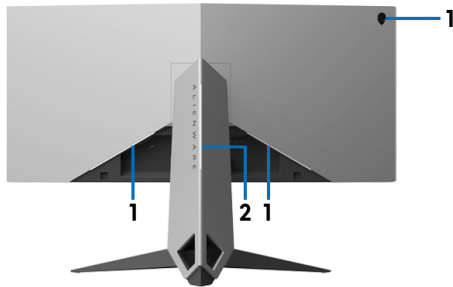


## AlienFX Lighting (Ánh sáng AlienFX)

Sử dụng menu này để điều chỉnh ánh sáng logo Alienware, đèn Triad ở mặt sau và giá đỡ màn hình, đèn gầm ở đáy màn hình và nút nguồn.



Trước khi thực hiện bất kỳ điều chỉnh nào, chọn bất kỳ hoặc tất cả 4 vùng này từ menu phụ. Hình minh họa bên dưới thể hiện các vùng chiếu sáng.



---


**All Zones (Tất cả các vùng)**

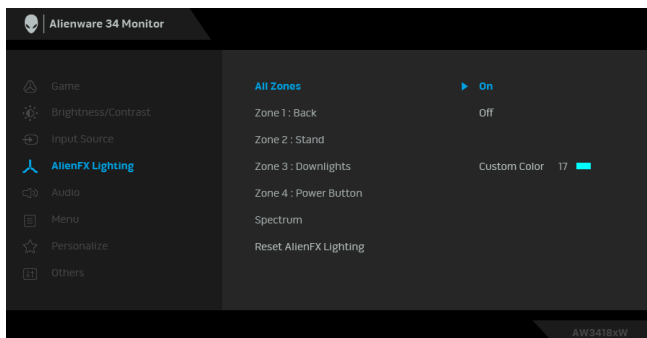
**Zone 1: Back (Khu vực 1: Phía sau)**



**Zone 2: Stand (Khu vực 2: Chân đế)**

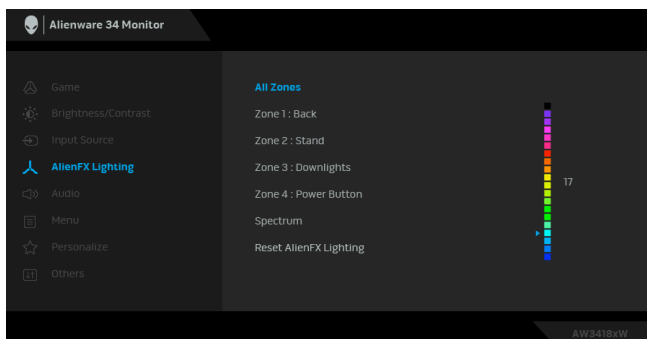
**Zone 3: Downlights (Khu vực 3: Đèn gầm)**

**Zone 4: Power Button (Khu vực 4: Phím nguồn)**

Để chỉ định một màu sáng LED cho vùng đã chọn, hãy chọn **On (Bật)** và nhấn nút  để làm nổi bật tùy chọn **Custom Color (Màu tùy chỉnh)**.



Sau đó chọn từ danh sách 20 màu có sẵn bằng cách sử dụng  và nút .



---

Bảng dưới đây miêu tả số màu và mã RGB được sử dụng cho 20 màu LED.

Số	R	G	B
1	0	0	0
2	100	0	240
3	144	0	240
4	240	0	240
5	240	0	176
6	240	0	112
7	240	0	0
8	240	80	0
9	240	128	0
10	240	224	0
11	120	240	0
12	160	240	0
13	100	245	35
14	0	240	0
15	0	240	85
16	70	240	145
17	0	240	240
18	0	160	240
19	0	96	240
20	0	0	240

Để tắt đèn AlienFX, hãy chọn **Off (Tắt)**.

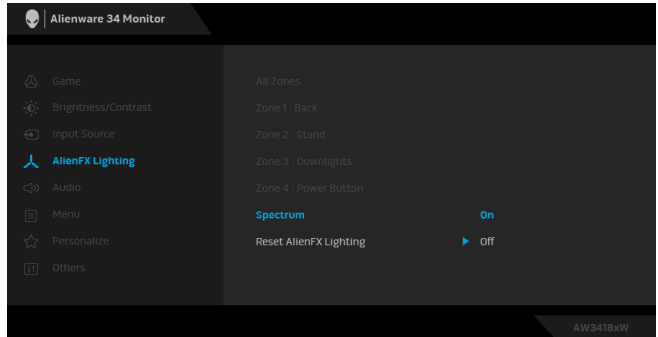
**CHÚ Ý:** Các chức năng này chỉ có sẵn khi **Spectrum (Quang phổ)** bị vô hiệu hóa.

---

---

## Spectrum (Quang phổ)

Khi chọn **On (Bật)**, đèn AlienFX của 4 vùng sáng lên và thay đổi màu sắc theo dãy quang phổ: đỏ, cam, vàng, xanh lục, xanh lam và tím.



**CHÚ Ý:** Khi chức năng này là **On (Bật)**, các chức năng ở trên không hoạt động.

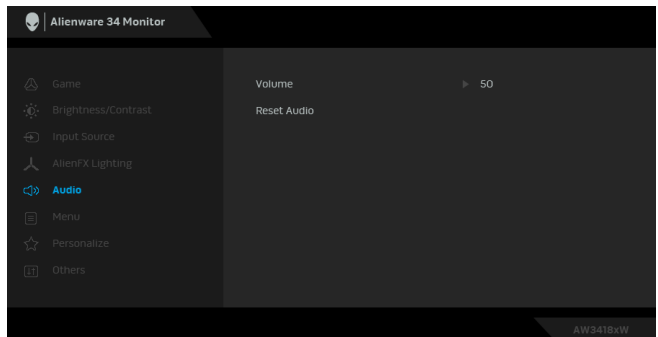
---

## Reset AlienFX Lighting (Đặt lại ánh sáng AlienFX)

Chọn tùy chọn này để khôi phục lại các cài đặt ánh sáng mặc định.





## Audio (Âm thanh)



---

## Volume (Âm lượng)

Cho phép bạn đặt mức âm lượng đầu ra tai nghe.

Sử dụng  hoặc  để điều chỉnh mức âm lượng từ 0 tới 100.

---

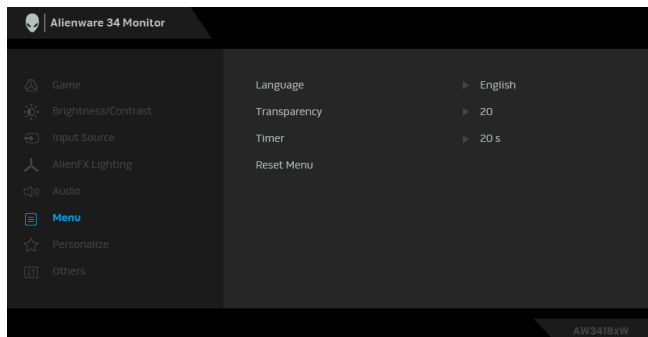
## Reset Audio (Đặt lại âm thanh)

Chọn tùy chọn này để khôi phục lại các cài đặt âm thanh mặc định.



## Menu

Chọn tùy chọn này để điều chỉnh các cài đặt của OSD, chẳng hạn như, các ngôn ngữ của OSD, số thời gian menu vẫn còn trên màn hình, và vân vân.



### Language (Ngôn ngữ)

Đặt màn hình hiển thị OSD về một trong tám ngôn ngữ (Tiếng Anh, tiếng Tây Ban Nha, Pháp, Đức, Bồ Đào Nha, Nga, Tiếng Trung Quốc, hay Nhật Bản).

### Transparency (Độ trong suốt)

Chọn tùy chọn này để thay đổi độ trong suốt của menu bằng cách sử dụng các nút và (tối thiểu 0 / tối đa 100).

### Timer (Hẹn giờ)

Đặt độ dài thời gian OSD sẽ vẫn hoạt động sau khi bạn nhấn nút lần cuối.

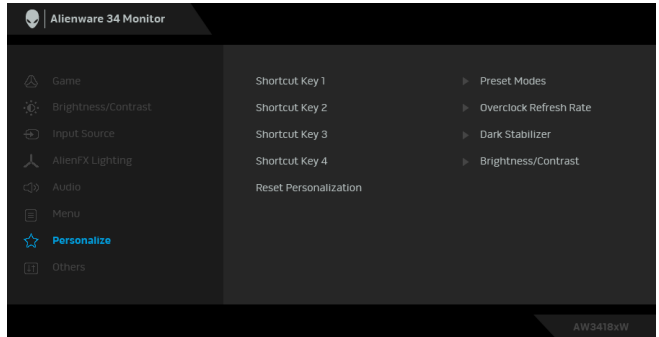
Sử dụng Use hoặc để điều chỉnh thanh trượt với mức tăng là 1 giây, từ 5 đến 60 giây.

### Reset Menu (Đặt Lại Menu)

Đặt lại cả các cài đặt OSD về giá trị cài đặt trước của nhà máy.



## Personalize (Cá nhân hóa)



**Shortcut Key 1 (Phím tắt 1)** Cho phép bạn chọn một tính năng từ **Preset Modes (Chế độ cài sẵn)**, **Overclock Refresh Rate (Tần số làm mới ép xung)**, **Dark Stabilizer (Bộ ổn định cảnh tối)**, **Brightness/Contrast (Độ sáng/Độ tương phản)**, **Game Enhance Mode (Chế độ Tăng cường Trò chơi)**, **Input Source (Nguồn Đầu Vào)**, hoặc **Volume (Âm lượng)** và đặt làm phím tắt.

**Shortcut Key 2 (Phím tắt 2)**

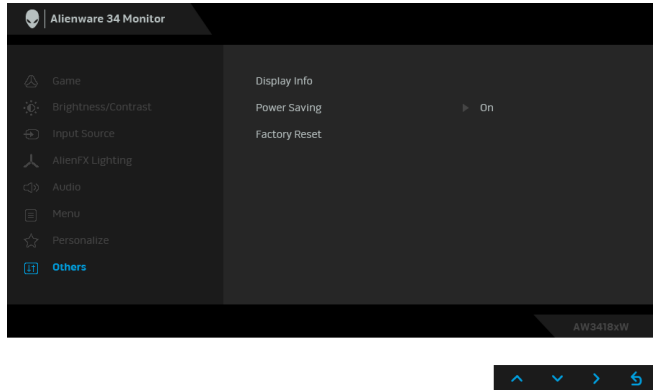
**Shortcut Key 3 (Phím tắt 3)**

**Shortcut Key 4 (Phím tắt 4)**

**Reset Personalization (Đặt lại Cá nhân hóa)** Phục hồi phím tắt về mặc định của nhà máy.



## Others (Khác)



### Display Info (Thông tin hiển thị)

Hiển thị phần cài đặt hiện tại của màn hình.

### Power Saving (Tiết Kiệm Điện)

Cài đặt mặc định là **On (Bật)**, cho phép màn hình vào chế độ ngủ khi hệ thống ngủ. Việc chọn **Off (Tắt)** có thể ngăn màn hình vào chế độ ngủ sâu và không thể thức dậy.

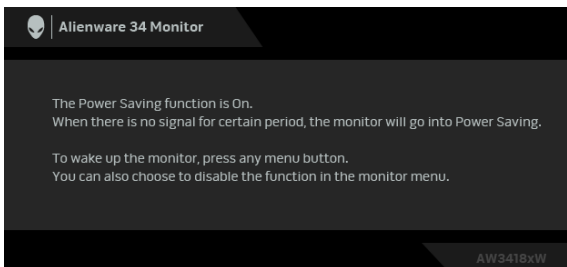
**CHÚ Ý:** Nhấn nút bất kỳ (trừ Nút nguồn) trên bảng điều khiển phía trước của màn hình cũng có thể đánh thức màn hình sau khi nó vào chế độ ngủ sâu.

### Factory Reset (Khôi Phục Cài Đặt Gốc)

Đặt lại cả các cài đặt về giá trị cài đặt trước của nhà máy.

## Thông báo cảnh báo OSD

Khi màn hình vào chế độ **Tiết Kiệm Điện**, thông báo sau sẽ xuất hiện:



Xem [Xử lý sự cố](#) để biết thêm thông tin.



## Cài đặt độ phân giải tối đa

Để đặt độ phân giải tối đa cho màn hình:

Trong Windows 7, Windows 8, và Windows 8.1:

1. Chỉ với Windows 8 và Windows 8.1, chọn ô Màn hình nền để chuyển sang màn hình nền cổ điển.
2. Nhấp chuột phải vào màn hình nền, nhấp **Độ Phân Giải Màn Hình**.
3. Nhấn vào danh sách thả xuống của Độ Phân Giải Màn Hình và chọn **3440 x 1440** (với AW3418DW) hoặc **2560 x 1080** (với AW3418HW).
4. Nhấp vào **OK**.

Trong Windows 10:

1. Nhấp chuột phải vào màn hình nền, nhấp **Cài đặt màn hình**.
2. Nhấp vào **Thiết đặt hiển thị nâng cao**.
3. Nhấn vào danh sách thả xuống của **Độ phân giải** và chọn **3440 x 1440** (với AW3418DW) hoặc **2560 x 1080** (với AW3418HW).
4. Nhấp vào **Áp dụng**.

Nếu bạn không nhìn thấy tùy chọn 3440 x 1440 hoặc 2560 x 1080, bạn có thể cần phải cập nhật trình điều khiển đồ họa của bạn. Tùy thuộc vào máy tính của bạn, hãy hoàn thành một trong các bước sau đây:

Nếu bạn có máy tính để bàn hoặc máy tính xách tay Dell:

- Truy cập vào **[www.dell.com/support](http://www.dell.com/support)**, nhập thẻ dịch vụ, và tải về trình điều khiển mới nhất cho các đồ họa của bạn.

Nếu máy tính của bạn không phải là máy Dell (laptop hoặc để bàn):

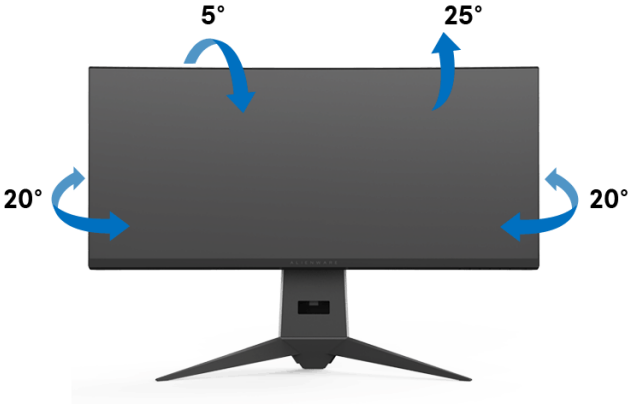
- Đi đến trang web hỗ trợ cho máy tính của bạn và tải về các trình điều khiển đồ họa mới nhất.
- Đi đến trang web các đồ họa của bạn và tải về các trình điều khiển đồ họa mới nhất.

## Sử dụng nghiêng, xoay và kéo thẳng

**CHÚ Ý:** Các hướng dẫn sau đây chỉ được dùng để lắp chân đế đi kèm với màn hình của bạn. Nếu bạn lắp chân đế mua từ nguồn khác, hãy làm theo các hướng dẫn lắp đặt đi kèm với chân đế đó.

### Nghiêng, xoay

Với chân đế được lắp vào màn hình, bạn có thể nghiêng và xoay màn hình để có góc nhìn thoải mái nhất.



**CHÚ Ý:** Chân đế không được lắp đặt tại nhà máy khi được vận chuyển.

### Kéo thẳng


**CHÚ Ý:** Chân đế kéo thẳng đến 130 mm. Hình dưới đây minh họa cách kéo thẳng chân đế.



# Sử dụng ứng dụng AlienwareFX

AlienwareFX là ứng dụng cho phép bạn truy cập Alienware gaming monitor control center (trung tâm điều khiển màn hình chơi game Alienware). Sử dụng ứng dụng này để điều khiển màu sắc đèn LED và hoạt động của màn hình chơi game Alienware.


 **CHÚ Ý:** Ứng dụng AlienFX này có sẵn để tải về từ: <http://www.dell.com/support/home/us/en/04/products/>.

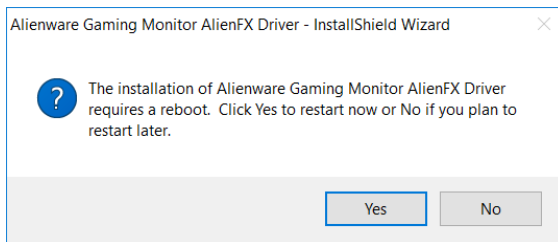
 **CHÚ Ý:** Nếu bạn có máy tính để bàn hoặc máy tính xách tay chơi game của Alienware, hãy sử dụng AWCC (Alienware Command Center) để điều khiển đèn.

## Điều kiện tiên quyết

Trước khi sử dụng ứng dụng AlienFX trên hệ thống không phải của Alienware:


- Đảm bảo có kết nối Internet đang hoạt động.
- Kết nối cổng USB 3.0 kết nối máy tính (cáp đi kèm) của màn hình Alienware với cổng USB 3.0 có trên máy tính của bạn.
- Đảm bảo ứng dụng AlienFX được cài đặt trên máy tính của bạn.

 **CHÚ Ý:** Trong quá trình cài đặt AlienFX, bạn sẽ được nhắc để khởi động lại máy tính. Nhấp vào **Yes (Có)** để khởi động lại máy tính. Việc này là để đảm bảo AlienFX được cài đặt chính xác.



 **CHÚ Ý:** Phím tắt ứng dụng AlienFX,  , được đặt trên hình nền Windows để truy cập nhanh.

## Điều hướng ứng dụng AlienFX

Nếu đáp ứng tất cả các điều kiện tiên quyết để sử dụng ứng dụng AlienFX, nhấp đúp vào biểu tượng phím tắt trên máy tính của bạn, , để truy cập Alienware gaming monitor control center (trung tâm điều khiển màn hình chơi game Alienware).





Bảng dưới đây cung cấp tổng quan về ứng dụng:

Số	Các chức năng	Mô tả
A	Hình thu nhỏ màn hình	Hiển thị tất cả các màn hình chơi game Alienware được kết nối với máy tính của bạn qua cáp USB kết nối máy tính. Chọn màn hình từ hình thu nhỏ trước khi thực hiện điều chỉnh. Nếu chỉ có một màn hình được kết nối với hệ thống, một hình thu nhỏ của màn hình sẽ được hiển thị và bạn có thể bỏ qua việc lựa chọn.
B	Chọn vùng	Các vùng được đánh số. Để chọn một vùng, nhấp vào vùng bên trong hình ảnh hoặc sử dụng hộp kiểm để chọn một vùng. Để chọn tất cả các vùng, chọn hộp kiểm <b>All (Tất cả)</b> .
C	Điều Khiển Ánh Sáng	Các điều khiển này cho phép bạn chỉ định hiệu ứng ánh sáng cho màn hình. Xem " <a href="#">Thiết lập hiệu ứng ánh sáng</a> " để biết chi tiết.
D	Giới thiệu	Chọn để xem số phiên bản hiện tại.

E	Thu nhỏ	Nhấp để thu nhỏ cửa sổ ứng dụng.
F	Đóng	Nhấp vào để thoát ứng dụng. <b>CHÚ Ý:</b> Khi thoát ứng dụng, những thay đổi đã thực hiện sẽ không được lưu.

## Thiết lập hiệu ứng ánh sáng

Có thể điều chỉnh hiệu ứng ánh sáng cho (các) vùng đã chọn bằng cách nhấp vào một trong các tùy chọn sau:


Biểu tượng	Hiệu ứng ánh sáng
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Màu cơ bản</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Cài đặt sẵn hoạt ảnh</li> </ul>

**CHÚ Ý:** Bạn có thể không thể truy cập được các cài đặt tương tự về hiệu ứng ánh sáng mà bạn đã thực hiện sau khi đã:

- thoát khỏi ứng dụng
- ngắt kết nối cáp USB kết nối máy tính khỏi màn hình và máy tính.

### Màu cơ bản

Tùy chọn này làm cho đèn LED sáng lên với màu tĩnh.

Màu cơ bản	Mô tả
	<p>Để áp dụng hiệu ứng:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chọn màu ưa thích từ bảng màu (hoặc danh sách các màu cài sẵn). Màu được chọn và mã màu RGB sẽ được hiển thị.</li> <li>2. Chọn <b>Apply (Áp dụng)</b> để lưu các thay đổi.</li> </ol> <p><b>CHÚ Ý:</b> Xem <a href="#">Tùy chỉnh màu sắc cài sẵn</a> để biết chi tiết về màu cài đặt sẵn.</p>

## Cài đặt sẵn hoạt ảnh

Bạn có thể chọn **Morphing (Kỹ xảo)**, **Pulsing (Xung nhịp)**, hoặc là **Spectrum (Quang phổ)** từ bảng điều khiển ánh sáng sẵn có.

### Morphing (Kỹ xảo)

### Mô tả



Hiệu ứng làm thay đổi màu sắc ánh sáng thành màu khác thông qua quá trình chuyển đổi liền mạch.

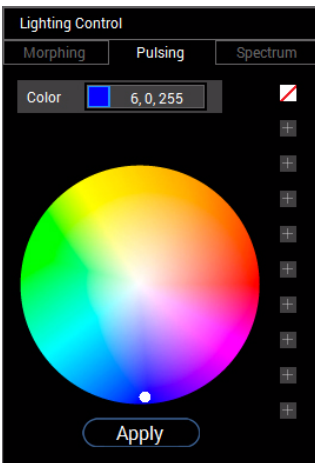
Để áp dụng hiệu ứng:

1. Chọn nút **Color 1 (Màu 1)** để thiết lập màu sáng bắt đầu.
2. Chọn màu ưa thích từ bảng màu (hoặc danh sách các màu cài sẵn). Màu được chọn và mã màu RGB sẽ được hiển thị.
3. Chọn **Color 2 (Màu 2)** để đặt màu ánh sáng kết thúc.
4. Lặp lại bước 2.
5. Chọn **Apply (Áp dụng)** để lưu các thay đổi.

**CHÚ Ý:** Xem [Tùy chỉnh màu sắc cài sẵn](#) để biết chi tiết về màu cài đặt sẵn.

### Pulsing (Xung nhịp)

### Mô tả



Hiệu ứng này làm cho đèn nhấp nháy với khoảng tạm dừng ngắn.

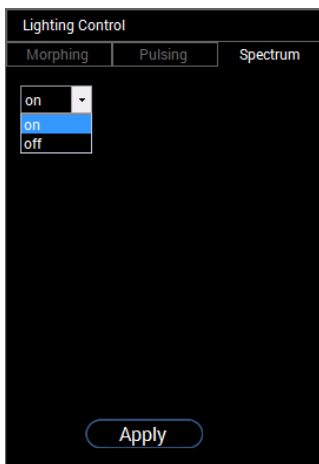
Để áp dụng hiệu ứng:

1. Chọn màu ưa thích từ bảng màu (hoặc danh sách các màu cài sẵn). Màu được chọn và mã màu RGB sẽ được hiển thị.
2. Chọn **Apply (Áp dụng)** để lưu các thay đổi.

**CHÚ Ý:** Xem [Tùy chỉnh màu sắc cài sẵn](#) để biết chi tiết về màu cài đặt sẵn.

## Spectrum (Quang phổ)

## Mô tả



Hiệu ứng làm thay đổi màu sắc theo dãy quang phổ: đỏ, cam, vàng, xanh lục, xanh lam, chàm và tím.

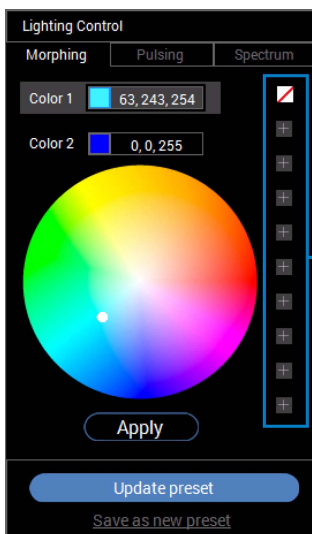
Để áp dụng hiệu ứng:

1. Chọn **on (bật)** từ danh sách thả xuống.
2. Chọn **Apply (Áp dụng)** để lưu các thay đổi.

**CHÚ Ý:** Để tắt hiệu ứng, chọn **off (tắt)**.

## Tùy chỉnh màu sắc cài sẵn

Để sử dụng màu thuận tiện theo sở thích, bạn có thể tạo và quản lý tối đa 10 bộ màu cài sẵn. Mỗi bộ có thể chứa 10 màu, bao gồm màu mặc định - màu đen.






bộ màu cài sẵn

 **CHÚ Ý:** Vẫn có thể truy cập tùy chỉnh màu sắc cài sẵn mỗi khi bạn khởi chạy ứng dụng.

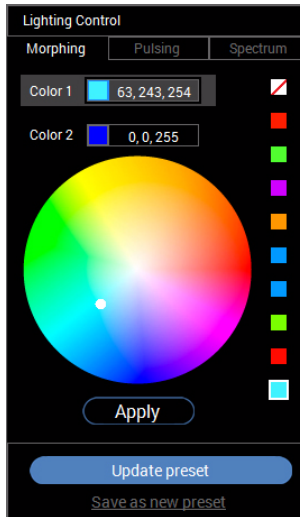
## Tạo bộ màu cài sẵn

Bạn có thể tạo tối đa 10 bộ màu cài sẵn để truy cập nhanh vào màu ưa thích. Để làm việc này:

1. Nhấp vào một chip màu mới, , từ danh sách.
2. Chọn màu ưa thích từ bảng màu. Màu được chọn và mã màu RGB sẽ được hiển thị.
3. Để thêm nhiều màu vào danh sách, lặp lại bước 1 và bước 2.

 **CHÚ Ý:** Ngoại trừ màu cài sẵn mặc định - màu đen, , bạn có thể thêm màu mới với tổng cộng 9.

4. Nhấp vào **Save as new preset (Lưu dưới dạng cài sẵn mới)** khi kết thúc việc sắp xếp các màu ưa thích cho danh sách.



5. Trong cửa sổ **Preset Name (Tên cài sẵn)**, sử dụng bàn phím để đặt tên cho bộ màu cài sẵn.




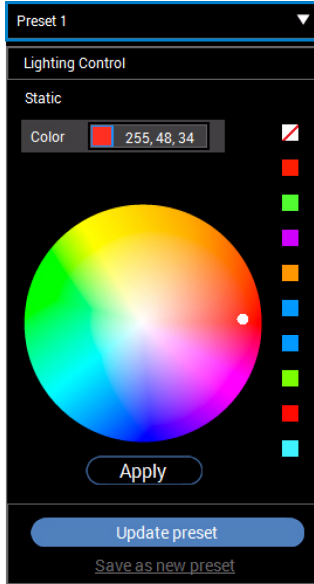
6. Chọn **OK** để lưu bộ tùy chỉnh màu cài sẵn.
7. Để tạo nhiều bộ tùy chỉnh, lặp lại các bước từ 1 đến 6.



## Thay đổi màu cài sẵn


Để thay đổi màu cài sẵn:

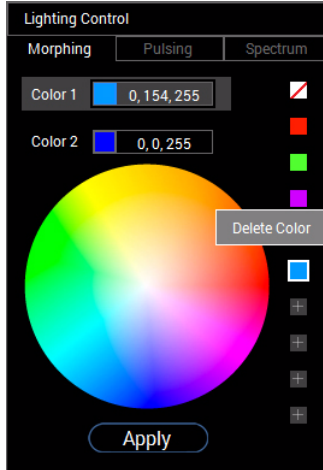
1. Bấm  để mở danh sách các bộ tùy chỉnh.
2. Chọn bộ có mục màu bạn muốn thay đổi.



3. Nhấp vào chip mong muốn (với màu hiện có) để chọn.
4. Chọn màu ưa thích từ bảng màu. Màu được chọn và mã màu RGB sẽ được hiển thị.
5. Khi hoàn tất, hãy nhấp **Update preset (Cập nhật cài sẵn)** để lưu thay đổi.

## Xóa màu cài sẵn

1. Bấm  để mở danh sách các bộ tùy chỉnh.
2. Chọn bộ có mục màu muốn xóa.
3. Nhấp chuột phải vào chip mong muốn (với màu hiện có) để hiển thị menu phụ "**Delete Color**" (**Xóa màu**), và chọn để lưu thay đổi.



4. Khi hoàn tất, hãy nhấp **Update preset (Cập nhật cài sẵn)** để lưu thay đổi.

## Xóa bộ các màu cài sẵn

Để xóa một bộ các màu cài sẵn đã tạo:

1. Nhấp chuột ▼ để mở danh sách.
2. Từ danh sách đã mở, chọn bộ muốn xóa.



3. Nhấp ✕.
4. Trong cửa sổ mở ra, chọn **OK** để lưu thay đổi.



# Xử lý sự cố

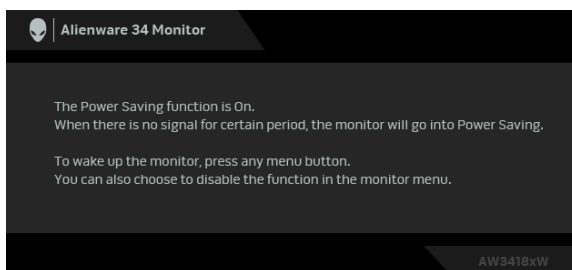
**⚠ CẢNH BÁO:** Trước khi bắt đầu bất kỳ quy trình nào trong phần này, hãy làm theo [Hướng Dẫn Về An Toàn](#).

## Tự kiểm tra

Màn hình của bạn có tính năng tự kiểm tra cho phép bạn kiểm tra xem màn hình của bạn có hoạt động tốt hay không. Nếu màn hình và máy tính của bạn được kết nối đúng cách nhưng màn hình vẫn tối, chạy tự kiểm tra màn hình bằng cách thực hiện các bước sau:

1. Tắt cả máy tính và màn hình.
2. Ngắt kết nối cáp video khỏi phía sau máy tính. Để đảm bảo Tự kiểm tra hoạt động đúng, tháo tất cả các cáp số khỏi phía sau máy tính.
3. Bật màn hình.

**✍ CHÚ Ý:** Một hộp thoại sẽ xuất hiện trên màn hình (trên nền đen), nếu màn hình không nhận biết được tín hiệu video và đang hoạt động tốt. Trong khi ở chế độ tự kiểm tra, đèn LED nhấp trắng.



**✍ CHÚ Ý:** Hộp này cũng xuất hiện trong khi hệ thống hoạt động bình thường nếu cáp video bị ngắt kết nối hoặc bị hỏng.

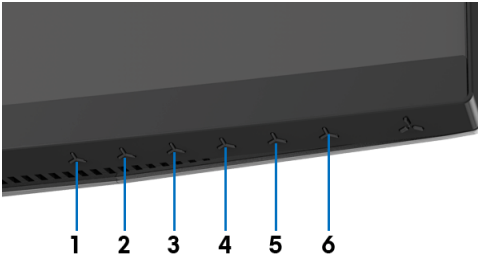
4. Tắt màn hình của bạn và kết nối lại cáp video; sau đó bật cả máy tính và màn hình.

Nếu màn hình của bạn vẫn trống sau khi đã sử dụng các bước trước đó, hãy kiểm tra bộ điều khiển video và máy tính, do màn hình của bạn vẫn hoạt động tốt.

## Chẩn đoán tích hợp

Màn hình của bạn có công cụ chẩn đoán tích hợp giúp xác định sự bất thường của màn hình bạn đang gặp phải là do vấn đề của màn hình, hoặc do máy tính và cạc video.

**CHÚ Ý:** Bạn có thể chạy chẩn đoán tích hợp chỉ khi cáp video được rút bỏ và màn hình đang ở chế độ tự kiểm tra.



Để chạy chẩn đoán tích hợp:

1. Đảm bảo màn hình sạch sẽ (không có bụi trên bề mặt màn hình).
2. Ngắt kết nối (các) cáp video khỏi phía sau máy tính hoặc màn hình. Khi đó màn hình sẽ vào chế độ tự kiểm tra.
3. Hãy nhấn và giữ **Nút 3** trong khoảng 5 giây. Màn hình màu xám xuất hiện sau 1 giây.
4. Cẩn thận kiểm tra bất thường của màn hình.
5. Nhấn lại **Nút 3**. Màu màn hình đổi sang màu đỏ.
6. Kiểm tra bất thường của màn hình hiển thị.
7. Lặp lại bước 5 và 6 để kiểm tra màn hình hiển thị trong màn hình màu xanh lá cây, xanh dương, đen và trắng.

Việc kiểm tra hoàn tất khi màn hình trắng xuất hiện. Để thoát, nhấn lại **Nút 3**.

Nếu bạn không phát hiện bất kỳ bất thường nào ở màn hình khi sử dụng công cụ chẩn đoán tích hợp, thì màn hình vẫn hoạt động tốt. Kiểm tra cạc màn hình và máy tính.

## Vấn Đề Thường Gặp

Bảng sau có các thông tin chung về các vấn đề bạn thường gặp phải với màn hình và các giải pháp có thể áp dụng:

Các Triệu Chứng Thường Gặp	Vấn Đề Bạn Gặp Phải	Giải Pháp Có Thể Áp Dụng
Không có video/ đèn LED nguồn tắt	Không có ảnh	<ul style="list-style-type: none"><li>• Đảm bảo cáp video nối màn hình và máy tính được nối chặt và đúng cách.</li><li>• Đảm bảo ổ cắm điện hoạt động tốt bằng cách sử dụng thiết bị điện khác.</li><li>• Đảm bảo nút nguồn được nhấn hết cỡ.</li><li>• Đảm bảo phải chọn đúng nguồn vào qua menu <a href="#">Input Source (Nguồn Đầu Vào)</a>.</li></ul>
Không có video/ đèn LED nguồn bật	Không có ảnh hoặc không có độ sáng	<ul style="list-style-type: none"><li>• Tăng điều khiển độ sáng và độ tương phản qua OSD.</li><li>• Tiến hành kiểm tra tính năng tự kiểm tra màn hình.</li><li>• Kiểm tra chân đầu nối cáp video xem có bị cong hoặc hỏng không.</li><li>• Chạy chẩn đoán tích hợp.</li><li>• Đảm bảo phải chọn đúng nguồn vào qua menu <a href="#">Input Source (Nguồn Đầu Vào)</a>.</li></ul>
Lấy Nét Kém	Hình ảnh bị mờ, lóa hoặc bóng mờ	<ul style="list-style-type: none"><li>• Bỏ các cáp video nối dài.</li><li>• Đặt lại màn hình về cài đặt gốc.</li><li>• Thay đổi độ phân giải video về đúng tỷ lệ khung hình.</li></ul>
Video bị rung/ động	Ảnh lượn sóng hoặc chuyển động nhẹ	<ul style="list-style-type: none"><li>• Đặt lại màn hình về cài đặt gốc.</li><li>• Kiểm tra các yếu tố môi trường.</li><li>• Đặt lại vị trí màn hình và thử ở phòng khác.</li></ul>
Thiếu Điểm Ảnh	Màn hình LCD có các đốm	<ul style="list-style-type: none"><li>• Tắt-bật lại nguồn.</li><li>• Điểm ảnh mà bị Tắt vĩnh viễn là khiếm khuyết tự nhiên có thể xảy ra trong công nghệ LCD.</li><li>• Để biết thêm thông tin về Chính Sách Điểm Ảnh Và Chất Lượng Màn Hình LCD, xem trang web Hỗ trợ Dell: <a href="http://www.dell.com/support/monitors">www.dell.com/support/monitors</a>.</li></ul>

Điểm ảnh bị bám	Màn hình LCD có các đốm sáng	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tắt-bật lại nguồn.</li> <li>Điểm ảnh mà bị tắt vĩnh viễn là khiếm khuyết tự nhiên có thể xảy ra trong công nghệ LCD.</li> <li>Để biết thêm thông tin về Chính Sách Điểm Ảnh Và Chất Lượng Màn Hình LCD, xem trang web Hỗ trợ Dell: <a href="http://www.dell.com/support/monitors">www.dell.com/support/monitors</a>.</li> </ul>
Vấn Đề Về Độ Sáng	Ảnh mờ hoặc quá sáng	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đặt lại màn hình về cài đặt gốc.</li> <li>Điều chỉnh điều khiển độ sáng và độ tương phản qua OSD.</li> </ul>
Méo Hình	Màn hình không được cân giữa chính xác	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đặt lại màn hình về cài đặt gốc.</li> </ul>
Đường Kẻ Ngang/Dọc	Màn hình có một hoặc nhiều đường kẻ	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đặt lại màn hình về cài đặt gốc.</li> <li>Tiến hành kiểm tra tính năng tự kiểm tra màn hình và xác định xem các đường kẻ này có trong chế độ tự kiểm tra không.</li> <li>Kiểm tra chân đầu nối cáp video xem có bị cong hoặc hỏng không.</li> <li>Chạy chẩn đoán tích hợp.</li> </ul>
Vấn Đề Về Đồng Bộ	Màn hình bị xô lệch hoặc có vẻ như bị rách	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đặt lại màn hình về cài đặt gốc.</li> <li>Tiến hành kiểm tra tính năng tự kiểm tra màn hình để xác định xem màn hình xô lệch có xuất hiện trong chế độ tự kiểm tra không.</li> <li>Kiểm tra chân đầu nối cáp video xem có bị cong hoặc hỏng không.</li> <li>Khởi động lại máy tính trong <i>chế độ an toàn</i>.</li> </ul>
Các Vấn Đề Liên Quan Đến An Toàn	Dấu hiệu có thể nhìn thấy khói hoặc lửa	<ul style="list-style-type: none"> <li>Không thực hiện bất kỳ bước xử lý sự cố nào.</li> <li>Liên hệ với Dell ngay.</li> </ul>
Các Vấn Đề Chập Chờn	Chập chờn khi bật và tắt màn hình	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đảm bảo cáp video nối màn hình và máy tính được nối chặt và đúng cách.</li> <li>Đặt lại màn hình về cài đặt gốc.</li> <li>Tiến hành kiểm tra tính năng tự kiểm tra màn hình để xác định xem các vấn đề chập chờn có xuất hiện trong chế độ tự kiểm tra không.</li> </ul>
Thiếu Màu	Ảnh thị thiếu màu	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tiến hành kiểm tra tính năng tự kiểm tra màn hình.</li> <li>Đảm bảo cáp video nối màn hình và máy tính được nối chặt và đúng cách.</li> <li>Kiểm tra chân đầu nối cáp video xem có bị cong hoặc hỏng không.</li> </ul>

Sai Màu	Màu ảnh không tốt	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thay đổi cài đặt của <b>Preset Modes (Chế Độ Cài Đặt Trước)</b> trong OSD menu <b>Game (Trò chơi)</b> tùy thuộc vào ứng dụng.</li> <li>Điều chỉnh giá trị R/G/B trong <b>Custom Color (Màu Tùy Chỉnh)</b> trong OSD menu <b>Game (Trò chơi)</b>.</li> <li>Chạy chẩn đoán tích hợp.</li> </ul>
Lưu ảnh từ ảnh tĩnh còn lại trên màn hình trong một thời gian dài	Bóng mờ từ ảnh tĩnh hiển thị xuất hiện trên màn hình	<ul style="list-style-type: none"> <li>Luôn sử dụng tính năng Quản Lý Điện để tắt màn hình khi không sử dụng (để biết thêm thông tin, xem <b>Chế Độ Quản Lý Điện</b>).</li> <li>Ngoài ra, sử dụng bộ bảo vệ màn hình tự động thay đổi.</li> </ul>

## Vấn Đề Cụ Thể Theo Sản Phẩm

Triệu Chứng Cụ Thể	Vấn Đề Bạn Gặp Phải	Giải Pháp Có Thể Áp Dụng
Hình ảnh màn hình quá nhỏ	Hình ảnh được căn giữa vào màn hình, nhưng không phủ khắp khu vực xem	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đặt lại màn hình về cài đặt gốc.</li> </ul>
Không thể điều chỉnh màn hình với các nút trên bảng điều khiển phía trước	OSD không xuất hiện trên màn hình	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tắt màn hình, rút dây nguồn, cắm lại, rồi bật lại màn hình.</li> </ul>
Không có Tín Hiệu Vào khi nhấn các điều khiển người dùng	Không có hình ảnh, đèn LED sáng xanh	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kiểm tra nguồn tín hiệu. Đảm bảo máy tính không ở chế độ tiết kiệm điện năng bằng cách di chuyển chuột hoặc nhấn phím bất kỳ trên bàn phím.</li> <li>Kiểm tra xem cáp tín hiệu có được cắm đúng không. Cắm lại cáp tín hiệu nếu cần.</li> <li>Khởi động lại máy tính hoặc đầu video.</li> </ul>
Hình ảnh không lấp đầy toàn bộ màn hình	Hình ảnh không lấp đầy chiều cao hoặc chiều rộng của màn hình	<ul style="list-style-type: none"> <li>Do các định dạng video khác nhau (tỷ lệ khung hình) của đĩa DVD, màn hình có thể hiển thị toàn màn hình.</li> <li>Chạy chẩn đoán tích hợp.</li> </ul>




## Vấn Đề Cụ Thể Với Cổng Kết Nối Đa Dụng (USB)

Triệu Chứng Cụ Thể	Vấn Đề Bạn Gặp Phải	Giải Pháp Có Thể Áp Dụng
Cổng USB không hoạt động	Thiết bị ngoại vi USB không hoạt động	<ul style="list-style-type: none"><li>• Kiểm tra để màn hình của bạn đã được bật.</li><li>• Kết nối lại cáp lên máy tính của bạn.</li><li>• Kết nối các thiết bị ngoại vi USB (kết nối xuống).</li><li>• Tắt rồi bật lại màn hình.</li><li>• Khởi động lại máy tính.</li><li>• Một số thiết bị USB như ổ HDD di động gắn ngoài đòi hỏi có dòng điện cao hơn; kết nối thiết bị trực tiếp vào hệ thống máy tính.</li></ul>
Cổng USB 3.0 tốc độ cực nhanh bị chậm	Thiết bị ngoại vi USB 3.0 tốc độ cực nhanh chạy chậm hoặc không chạy chút nào	<ul style="list-style-type: none"><li>• Kiểm tra xem máy tính của bạn có chạy được USB 3.0 không.</li><li>• Một số máy tính có các cổng USB 3.0, USB 2.0, và USB 1.1. Đảm bảo sử dụng đúng cổng USB.</li><li>• Kết nối lại cáp lên máy tính của bạn.</li><li>• Kết nối các thiết bị ngoại vi USB (kết nối xuống).</li><li>• Khởi động lại máy tính.</li></ul>
Thiết bị ngoại vi USB không dây ngừng làm việc khi có thiết bị USB 3.0 được cắm vào	Thiết bị ngoại vi USB không dây đáp ứng chậm hoặc chỉ hoạt động nếu giảm khoảng cách giữa nó và bộ thu của nó	<ul style="list-style-type: none"><li>• Tăng khoảng cách giữa các thiết bị ngoại vi USB 3.0 và bộ nhận USB không dây.</li><li>• Đặt bộ thu USB không dây của bạn càng gần các thiết bị ngoại vi USB không dây càng tốt.</li><li>• Sử dụng cáp USB mở rộng để đặt bộ thu USB không dây càng xa cổng USB 3.0 càng tốt.</li></ul>

# Phụ Lục

## CẢNH BÁO: Hướng Dẫn Về An Toàn

 **CẢNH BÁO:** Sử dụng điều khiển, điều chỉnh, hoặc các bước ngoài những nội dung được quy định trong tài liệu này có thể dẫn đến bị điện giật, nguy cơ về điện, và/hoặc các mối nguy hiểm cơ học khác.


Để biết thông tin về hướng dẫn an toàn, xem Thông tin về An Toàn, Môi Trường Và Quy Định (SERI).

## Thông Báo FCC (Chỉ U.S) Và Thông Tin Quy Định Khác

Đối với các thông báo FCC và thông tin quy định khác, xem trang web tuân thủ quy định tại [www.dell.com/regulatory\\_compliance](http://www.dell.com/regulatory_compliance).

## Liên hệ với Dell

Đối với khách hàng ở Hoa Kỳ, gọi 800-WWW-DELL (800-999-3355).

 **CHÚ Ý:** Nếu bạn không có kết nối Internet, bạn có thể tìm thông tin liên lạc trên hóa đơn mua hàng, phiếu đóng gói, hóa đơn, hoặc danh mục sản phẩm Dell.

Dell cung cấp một số lựa chọn dịch vụ và hỗ trợ qua điện thoại và trực tuyến. Sự sẵn có thay đổi theo quốc gia và sản phẩm, và một số dịch vụ có thể không có trong khu vực của bạn.

- Hỗ trợ kỹ thuật trực tuyến — [www.dell.com/support/monitors](http://www.dell.com/support/monitors)
- Liên hệ Dell — [www.dell.com/contactdell](http://www.dell.com/contactdell)